

Mục lục

A. Đại cương môn học	1
B. Mục tiêu môn học	2
C. Giải thích quy trình tổng thể ERP	3
a. Quy trình xí nghiệp chung	3
b. Mối quan hệ giữa thao tác công nợ phải trả với các mô-đun khác.....	6
D. Các đơn vị học phần bắt buộc của chức năng nghiên cứu phát triển	7
E. Thiết lập trước dữ liệu cơ bản:	9
a. Thao tác thiết lập thông số tài vụ.....	9
b. Thao tác thiết lập tỉ giá hối đoái	9
c. Thao tác thiết lập điều kiện thanh toán.....	10
d. Thao tác lập dữ liệu nhà cung ứng	10
e. Thao tác lập dữ liệu tài khoản	11
f. Thao tác thiết lập quyền tài khoản/bộ phận	11
g. Thao tác thiết lập tài khoản kế toán.....	12
h. Thao tác thiết lập tính chất chứng từ	12
i. Thao tác thiết lập ghi chú thông báo tiền gửi.....	13
j. Thao tác thiết lập mối quan hệ giữa nhà sản xuất & khách hàng.....	13
F. Giải thích các quy trình	14
a. Quy trình nhập hàng có hóa đơn (lấy “đơn nhập hàng” làm VD)	14
b. Quy trình kết sổ (kết sổ cuối tháng)	15
1. Giải thích thao tác	15
2. Giải thích thao tác tự động kết sổ:.....	16
2. Chọn kiểu phát sinh, 1 đơn nhập (trả) hàng phát sinh 1 phiếu chi tiền.....	18
3. Giải thích trọng điểm và ví dụ.....	21
c. Quy trình trả tiền	23
1. Giải thích quy trình	23
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ.....	25
d. Quy trình trả trước (nhiều lần trả trước-ghi chép dữ liệu hóa đơn)	27
1. Giải thích quy trình	27
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ.....	28
e. Quy trình trả trước (trả trước nhiều lần-ghi nhận trong dữ liệu hóa đơn)	36
1. Giải thích quy trình	36
2. VD mẫu và thuyết minh trọng điểm.....	37
f. Quy trình trả trước (không mở hóa đơn).....	48
1. Giải thích quy trình	48
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ.....	49

g. Quy trình khấu trừ các khoản phải thu, phải trả (khách hàng và NCC là một công ty)	57
1. Giải thích quy trình	57
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ :.....	58
h. Quy trình thanh toán cuối tháng.....	62
1. Giải thích Quy trình.....	62
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ :.....	63

A. Đại cương môn học

- ♦ Giải thích quy trình tổng thể ERP
- ♦ Các đơn vị học phần bắt buộc môn học
- ♦ Thiết lập trước dữ liệu cơ bản
- ♦ Giải thích các quy trình
 - ✓ Quy trình nhập hàng có hóa đơn
 - ✓ Quy trình kết sổ
 - ✓ Quy trình trả tiền
 - ✓ Quy trình đối chiếu công nợ phải thu/phải trả
 - ✓ Quy trình trả trước
 - ✓ Quy trình trả thừa
 - ✓ Quy trình kết sổ cuối tháng

B.Mục tiêu môn học

Sau khi học xong giáo trình, bạn cần nắm rõ:

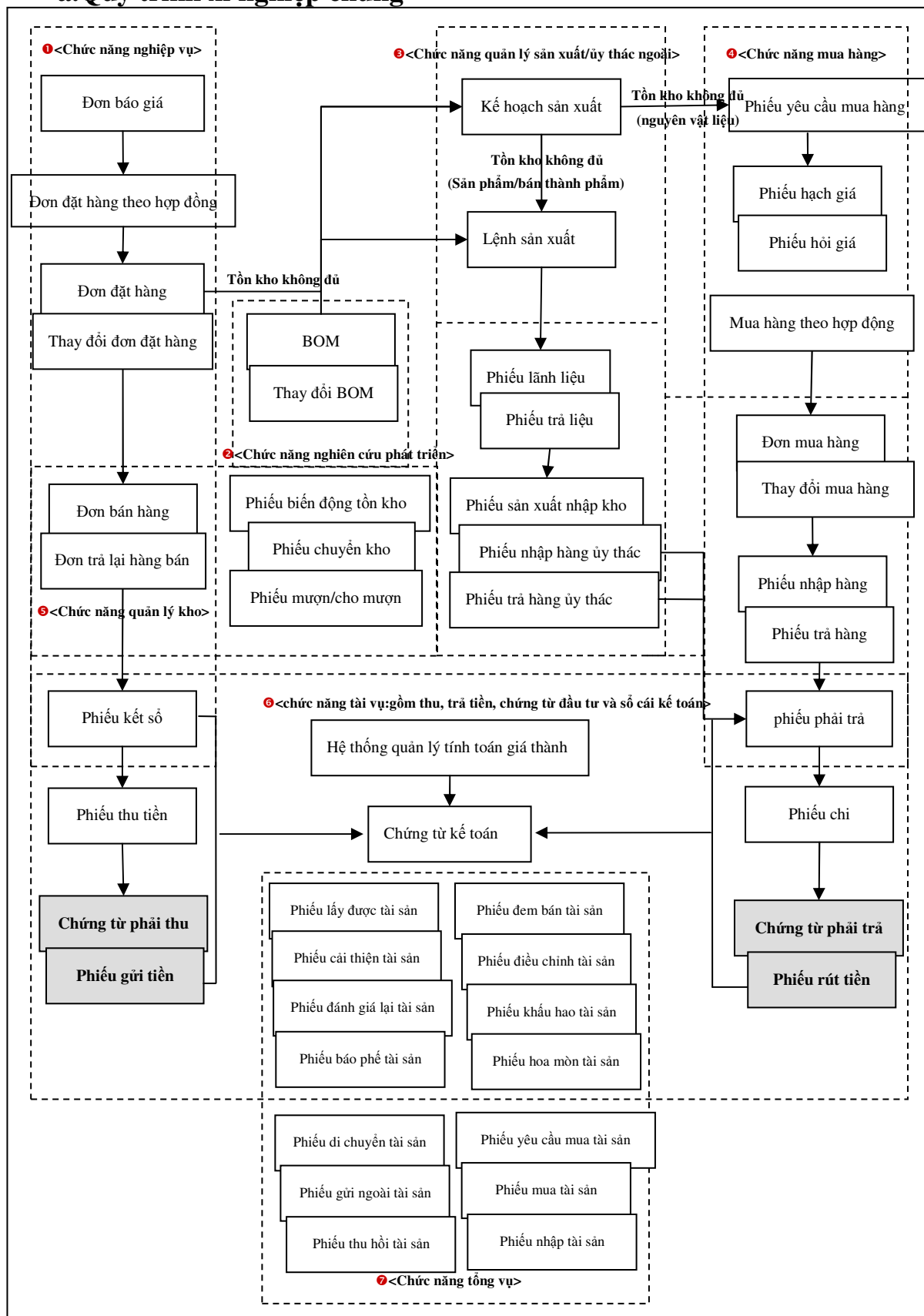
- ♦ Quy trình tổng thể ERP và ứng dụng của mô-đun công nợ phải trả trong doanh nghiệp cụ thể.
- ♦ Các thao tác liên quan trong module công nợ phải trả và quan hệ của nó với các module khác
- ♦ Hiểu và nắm rõ các nội dung chính trong giáo trình
- ♦ Quy trình của module công nợ phải trả, thao tác thiết lập và in chứng từ hoặc bảng báo cáo.

Ghi chú: Thao tác cơ bản xin học tập tại website (<http://elearning.dsc.com.tw/>) .

Hệ thống môn học	Tên môn học
Thao tác cơ bản	Thao tác cơ bản -Bài học đơn giản
	Thao tác cơ bản -Bài in chứng từ
	Thao tác cơ bản -Bài in báo biểu

C. Giải thích quy trình tổng thể ERP

a. Quy trình xí nghiệp chung

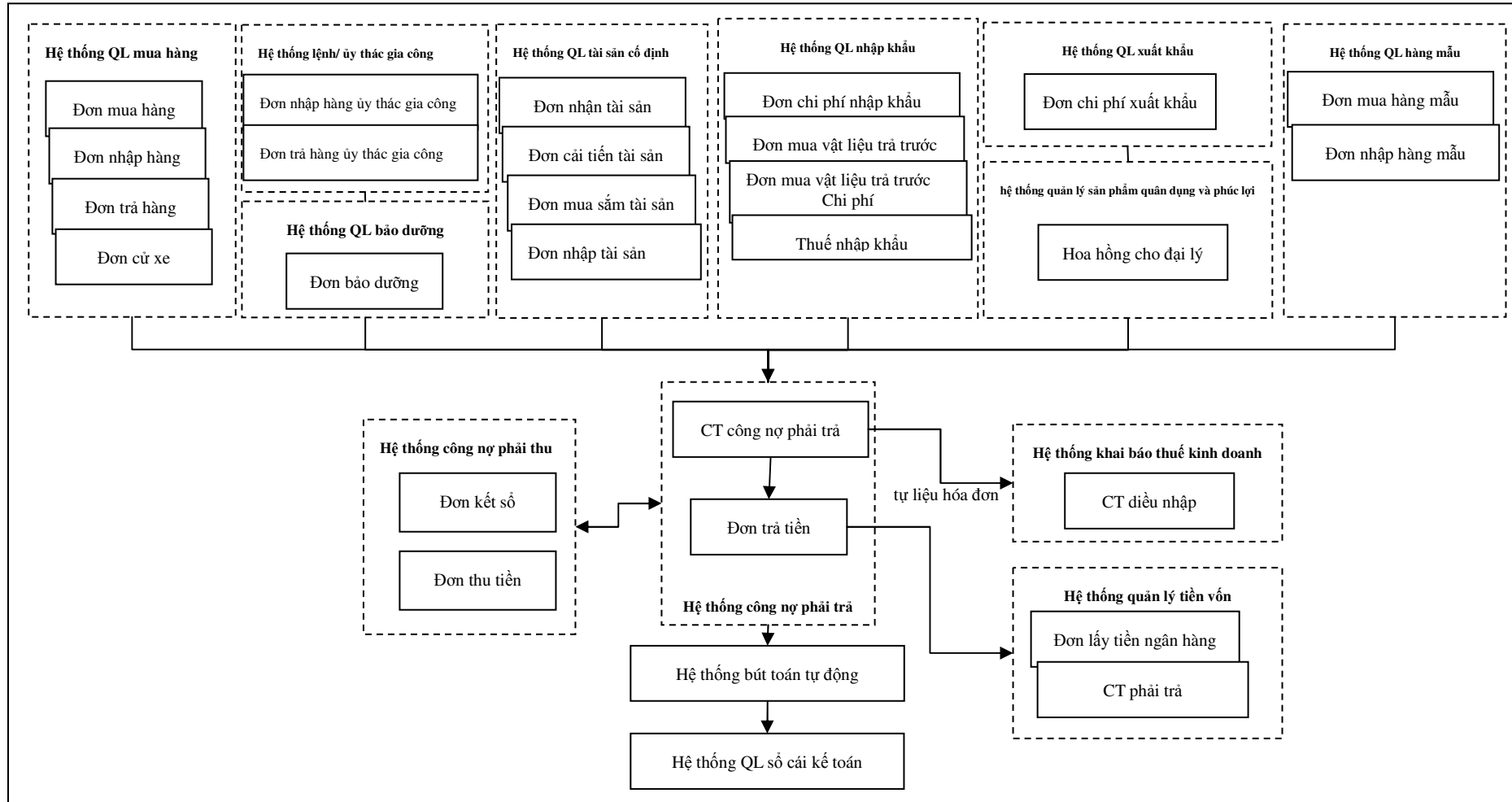


Giải thích mối liên quan giữa các chức năng:

Chức năng	Giải thích thao tác
❶ Nghịệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Trước hết khách hàng sẽ mời nhân viên nghiệp vụ báo giá. ♦ Song phương sẽ căn cứ theo nhu cầu ký kết “Đơn đặt hàng theo hợp đồng” hoặc trực tiếp lập “Đơn đặt hàng”. ♦ Nếu số lượng tồn kho chưa đạt nhu cầu số lượng đơn đặt hàng, có thể thực hiện “Kế hoạch sản xuất”(xem chi tiết trong “Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài ❸”). ♦ Nếu hai bên nhất trí về thay đổi nội dung đơn đặt hàng, có thể ghi chép dữ liệu trong “Thay đổi đơn đặt hàng”. ♦ Xuất hàng vào ngày theo dự định giao (Đơn bán hàng). ♦ Sau khi xuất hàng nếu khách hàng trả hàng hoặc cho chiết khấu,có thể ghi chép vào “Đơn trả lại hàng bán”.
❷ Nghiên cứu phát triển	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Trước khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, thiết lập sẵn dữ liệu dùng NVL của thành phẩm và bán thành phẩm. ♦ Nếu không thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, cũng có thể triển khai BOM dùng NVL khi lập “Lệnh sản xuất”. ♦ Kế tiếp nếu việc dùng NVL có sự thay đổi, thì có thể ghi chép trong “Thay đổi BOM”.
❸ Quản lý sản xuất ủy thác ngoài	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Sau khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, nếu thành phẩm không đủ, có thể phát “Lệnh sản xuất”(sản xuất trong nhà máy/ủy thác ngoài gia công), nếu không thực hiện “kế hoạch sản xuất”, cũng có thể tự nhập vào “Lệnh sản xuất”. ♦ Khi chính thức sản xuất có thể ghi chép lại lệnh sản xuất dùng NVL vào “phiếu lãnh/trả liệu”(tự tạo trong nhà máy/ủy thác ngoài gia công)。 ♦ Sau khi hoàn công, nếu là tự tạo trong nhà máy thì ghi chép dữ liệu nhập kho bằng “Phiếu sản xuất nhập kho”, nếu là ủy thác ngoài gia công thì ghi chép bằng “Phiếu nhập hàng ủy thác”. ♦ Nếu sản phẩm ủy thác ngoài gia công đã nhập kho vẫn có nhu cầu trả hàng, có thể ghi chép bằng “Phiếu trả hàng ủy thác”.
❹ Mua sắm	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Sau khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, nếu nguyên vật liệu không đủ, có thể phát “Phiếu yêu cầu mua hàng/đơn mua hàng”. ♦ Nếu không phải yêu cầu mua theo tính sản xuất hoặc không thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, cũng có thể nhập vào “Phiếu nhu cầu mua hàng”. ♦ Nếu xác nhận giá cả sản phẩm mua với nhà cung cấp, có thể ghi chép dữ liệu bằng “Phiếu duyệt giá”. ♦ Có thể căn cứ theo tình trạng mua hàng khác nhau, có thể tìm nhà cung cấp khác hoặc hỏi giá nhà cung cấp, dữ liệu hỏi giá có thể ghi chép vào

	<p>“Phiếu hỏi giá”</p> <p>hoặc hỏi giá cho nhà máy, dữ liệu hỏi giá có thể ghi chép trong “bảng hỏi giá”.</p> <ul style="list-style-type: none"> ♦ Hỏi giá, so sánh giá, thoả thuận giá xong, theo nhu cầu song phương có thể ký kết “Phiếu mua hàng theo hợp đồng”. ♦ Nếu hai bên nhất trí về thay đổi nội dung của đơn mua hàng, có thể ghi chép dữ liệu bằng “Thay đổi mua hàng”. ♦ Nhà cung cấp nhập hàng vào ngày nhu cầu “Phiếu nhập hàng”. ♦ Sau khi nhập hàng nếu có trả hàng hoặc nhà cung cấp cho chiết khấu, có thể ghi chép bằng “phiếu trả hàng”.
<p>⑤</p> <p>Quản lý kho</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Nhân viên quản lý kho nhận hàng sau khi nhà cung cấp nhập hàng và nhân viên quản lý chất lượng nghiệm thu (Phiếu nhập hàng), nếu sau đó có trả hàng thì ghi chép bằng “Phiếu trả hàng”(xem chi tiết trong “④Chức năng mua hàng”). ♦ Tiếp theo lãnh liệu sản xuất hoặc trả liệu, cũng do kho phụ trách ghi chép hoặc đếm nhận(xem “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”).sau khi sản xuất nhập kho(hoặc ủy thác ngoài nhập hàng) người quản lý chất lượng kiểm nhận xong, cũng do kho đếm nhận nhập kho, nếu có sản phẩm ủy thác ngoài gia công trả lại nhà cung cấp, thì ghi chép bằng “Phiếu trả hàng ủy thác”(xem “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”). ♦ Tiếp theo xuất hàng cho khách hàng hoặc nhận hàng trả từ khách hàng, dữ liệu sẽ ghi chép bằng “Phiếu bán hàng/phiếu trả hàng”(xem “①Chức năng nghiệp vụ”). ♦ Trừ chứng từ trên có thể ảnh hưởng số tồn kho, người quản lý kho có thể nhập “Phiếu biến động tồn kho” theo nhu cầu khác (như:nhập kho khẩn cấp), hoặc chuyển sản phẩm và nguyên vật liệu sang kho khác(Phiếu chuyển phát), hoặc mượn hàng từ nhà cung cấp hoặc cho khách hàng mượn hàng
<p>⑥</p> <p>Tài vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Bộ phận này gồm lập sổ, thu tiền của “①Chức năng nghiệp vụ”, lập sổ, thanh toán của “④chức năng mua hàng”, lập sổ, thanh toán phí ủy thác gia công, quản lý chứng từ đầu tư tuần hoàn của “③Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”, trong “⑦chức năng quản trị” bộ phận liên quan đến sổ cái kế toán và sau nay tổng hợp đến bộ phận sổ cái kế toán.
<p>⑦</p> <p>Tổng vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ♦ Bộ phận liên quan đến tài vụ gồm:lấy được, cải thiện, đánh giá lại, báo phế, đem bán, điều chỉnh, khấu hao và hao mòn tài sản. ♦ Bộ phận không liên quan đến tài vụ gồm:di chuyển, gửi ngoài và thu hồi tài sản.

b. Mối quan hệ giữa thao tác công nợ phải trả với các mô-đun khác



D. Các đơn vị học phần bắt buộc của chức năng nghiên cứu phát triển

Ghi chú: cần học tập trước “Thao tác cơ bản”

Trình tự học	Các module trong hệ thống	Tên giáo trình	Giải thích	Thời điểm học	Thời gian hoàn thành (Phút)
0	HTQL sổ cái kế toán	Sơ đồ và hướng dẫn học tập HTQL sổ cái kế toán	Tìm hiểu các module có liên quan tới “module công nợ phải trả”	* Học trước	46
0	HTQL công nợ phải trả	Sơ đồ hướng dẫn học tập HTQL công nợ phải trả		* Học trước	37
1	HTQL sổ cái kế toán	Tóm tắt HTQL sổ cái kế toán	Hiểu biết các thao tác sổ cái kế toán	* Học trước	16
2		Bài dữ liệu cơ bản		* Học trước	58
3		Thao tác hàng ngày		Học sau	40
4		Quản lý lập khoản và chuyển khoản		Học sau	59
5		Quản lý trả trước		Học sau	18
6		Quản lý lợi nhuận		* Học trước	69
7		Phân tích tài vụ		Học sau	24
8		Bài xử lý khoản vụ đa công ty		Học sau	18
9		Thao tác tìm kiếm		Học sau	9
10		Cập nhật tài vụ hàng ngày		Học sau	35
11		Bài nhập số liệu đầu kỳ		Học sau	12
12	HTQL mua hàng	Tạo mới và lưu trữ dữ liệu của nhà chế tạo	Hiểu biết nguồn gốc khoản tiền phải trả	* Học trước	38
13		Thao tác nhập hàng và trả hàng		* Học trước	90
14		Quản lý hóa đơn nhập hàng		* Học trước	15
15	HTQL lệnh/ủy thác gia công	Nhập kho và trả lại hàng		* Học trước	80
16	HTQL công nợ phải trả	Giới thiệu HTQL công nợ phải trả	Hiểu biết thao tác chủ yếu của chức năng phải trả	* Học trước	12
17		DLCB của HTQL công nợ phải trả		* Học trước	33
18		Thao tác kết sổ HTQL công nợ phải trả		* Học trước	56
19		Thao tác trả tiền của hệ thống phải trả		* Học trước	62

20		Thao tác trả trước trong hệ thống phải trả		* Học trước	41
21		Thao tác kết toán cuối tháng trong hệ thống phải trả		* Học trước	12
22		Bài mở đầu của hệ thống phải trả		Học sau	32
23	thuyết minh bản mới	hướng dẫn cập nhật phiên bản 2.6 trên mạng_ mô-đun công nợ phải trả	-	* Học trước	40

Đề nghị: Để đạt hiệu quả học tập tốt hơn, Trước khi học môn học này, nghiên cứu và học tập bài tại “Trang web học tập ERP II DSC”. (<http://elearning.dsc.com.tw/>) và “Đề nghị đọc tại thời điểm=trước lớp”

Ghi chú: Tổng số thời gian học tập khoảng 15 giờ 23 phút

E. Thiết lập trước dữ liệu cơ bản:

a. Thao tác thiết lập thông số tài vụ

Vị trí: Hệ thống Quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tham số tài chính

Mục đích: định nghĩa tháng năm định khoản hệ thống tài chính.

Thao tác thiết lập tham số tài chính(CMSI24)[Success]

Thiết lập tham số tài chính

Chế độ kỳ kế toán

☒ 12 Kỳ

☐ 13 Kỳ

Năm kế toán hiện tại 2008

Kỳ kế toán hiện tại 08

Năm kết sổ kế toán 2008

Kỳ kết sổ kế toán 07

Tháng năm hiện tại gửi tiền NH 2008/08

Tháng năm hiện tại phai thu 2008/08

Tháng năm kết sổ phai thu 2008/07

Tháng năm hiện tại phai tra 2008/08

Tháng năm kết sổ phai tra 2008/07

Tháng năm hiện tại tiền chi vật 2008/08

Tháng năm hiện hành thuế doanh thu 2008/08

☒ Quan lý dự toán

PT phân loại TK dự toán 1. Accounting

OK Hủy bỏ

Browse 127.0.0.1 - 211

b. Thao tác thiết lập tỷ giá hối đoái

Vị trí: Quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tỷ giá

Mục đích: thiết lập tỷ giá ngoại tệ được sử dụng trong hệ thống.

Thao tác thiết lập tỷ giá(CMSI06)[測試資料庫]

DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Tiền tệ USD Tên tiền tệ US dollar

Số thập phân đơn giá 3:Ba số thập phân Số thập phân đơn vị giá thành 4:Bốn số thập phân

Tổng tiền 2:Hai số thập phân Số thập phân giá thành 2:Hai số thập phân

Ghi chú

Ngày có hiệu lực	Tỷ giá ngân hàng mua vào	Tỷ giá ngân hàng bán ra	Tỷ giá hai quan mua vào	Tỷ giá hai quan bán ra
01/11/2008	16,778	16,778	16,778	16,778
31/10/2008	33.3	33.5	33.3	33.5
30/10/2008	33.3	33.5	33.3	33.5
29/10/2008	33.3	33.5	33.3	33.5
26/10/2008	33.3	33.5	33.3	33.5
25/10/2008	33.3	33.5	33.3	33.5
24/10/2008	33.3	33.5	33.3	33.5
04/06/2008	33.3	33.5	33.3	33.5
03/06/2008	33.3	33.5	33.3	33.5

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 38

127.0.0.1 - 211

c. Thao tác thiết lập điều kiện thanh toán

Vị trí: Hệ thống Quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập điều kiện thanh toán

Mục đích: thiết lập ngày dự toán thanh toán và ngày thực hiện thanh toán sau khi nhập hàng từ nhà cung ứng.

Thao tác thiết lập điều kiện thanh toán(CMSI21)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)
Chi tiết Xem DL
Loại 1 Mua/GC Mã 1M1 Tên O/A next month, check 2 months
Ngày dự tính thu (tra) tiền
Thêm số ngày Thêm số tháng
Sau khi kết số 0 Ngày Bỏ tính lãi 2. đầu tháng sau
Kết số thêm tháng và đến ngày Ngày
Ngày thực hiện vốn
Thêm số ngày Thêm số tháng
Sau thanh toán 0 Ngày Bỏ tính lãi 1. Ngày thanh toán
Thanh toán thêm 2 tháng và đến ngày 10 Ngày
CK đạt được
Được hưởng PP khấu trừ
Thanh toán sớm Rút ngắn kỳ phiếu
Ngày thu/tra tiền được CK phải sớm hơn 0 Ngày
Kỳ phiếu phải sớm hơn 0 ngày đối tiền
CK 0.00%
Ghi chú
Browse 127.0.0.1 - 211

d. Thao tác lập dữ liệu nhà cung ứng

Vị trí: HT quản lý mua hàng \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu nhà cung cấp

Mục đích: thiết lập dữ liệu cơ bản của nhà cung ứng.

Thao tác thiết lập dữ liệu nhà cung cấp(PURI01)(測試資料庫)
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)
Mã NCC 1011 MST 74335086
Tên tắt Ta tung Định dạng in CT 1:Tiếng Hoa Phiên bản
Tên đầy đủ Ta tung Co, Ltd. Ngày xét duyệt NCC
DL cơ bản DL GD DL QC APS Xem DL
T. Trạng xét duyệt 1: đã duyệt
Số ĐT (1) 02-23067785
Số ĐT (2) 02-23067786
FAXNO 02-23067799
E_MAIL
Người phụ trách Jack Chen
Người liên hệ (1) Merry Lee
Người liên hệ (2)
Người liên hệ (3)
NV mua hàng 401 李採購
Số FAX(Kế toán)
Hạng mục giao dịch
Ghi chú
Tiền tổng Cty thu
Tổng Cty
Khu vực 300 北區
Quốc gia 405 台灣
Phân loại NCC
Ngày khai trương / /
Số vốn 0 10 nghìn
Số NV 0
Tiền GD NTD 台幣
PT tính thuế
Ca trang
Tùng đồng
Browse 127.0.0.1 - 211

e. Thao tác lập dữ liệu tài khoản

Vị trí: Hệ thống quản lý sổ kế toán \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu tài khoản

Mục đích: thiết lập tài khoản kế toán dùng trong chứng từ phải trả và phiếu chi tiền.

Thao tác thiết lập dữ liệu tài khoản(AC103)[Success]

Mã TK: 2143

Tên TK: Accounts Payable

Alias: Accounts Payable

Tính chất TK: ☒ TK ☐ Kết chuyển

Loại TS lãi lỗ: ☒ TS bên Có ☐ Lãi lỗ

Số dư Nợ/Có: ☐ Số dư bên nợ ☒ Số dư bên Có

Loại báo cáo Nợ/Có: ☐ Bên Nợ ☒ Bên Có

Loại TK: 1. TK quản lý

PT lập TK đối ứng: N Không kiểm tra số dư Nợ/Có

Quan lý bộ phận: ☒

TK có hiệu lực: ☒

Tiền tệ thường dùng: NTD

Phân tích tỷ số tài chính: 13: Nợ lưu động-Khoản phải trả

TK tiền mặt: ☐

Quan lý dự toán: ☐

Mục bang lưu chuyển tiền tệ:

Kết chuyển phí SX/nhân công:

Ghi chú:

Thêm Sửa Xóa Lưu Hủy bỏ

f. Thao tác thiết lập quyền tài khoản/bộ phận

Vị trí: Hệ thống quản lý sổ kế toán \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập quyền tài khoản/bộ phận

Mục đích: trong tài khoản kế toán nếu có thiết lập quản lý theo bộ phận (trung tâm quản lý lợi nhuận), cần định nghĩa các bộ phận của tài khoản này trước khi sử dụng.

Thao tác thiết lập quyền tài khoản/bộ phận(AC105)[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Mã TK: 5509

Tên TK: Water

Alias: Water

Loại TK: 3. TK độc lập

Quan lý bộ phận: ☒

TK có hiệu lực: ☒

Ghi chú:

SIT	Mã bộ phận giới hạn BĐ	Tên bộ phận	Xác định mã bộ phận cuối	Tên bộ phận	Ghi chú
0001	10	Inventory management department	92	Manufacturing Division2	

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

g. Thao tác thiết lập tài khoản kế toán

Vị trí: Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập tài khoản kế toán

Mục đích: định nghĩa tài khoản giao dịch thường dùng trong phiếu chi , nhằm giảm thời gian nhập dữ liệu.

TK	Mã	Tên
TK thanh toán thông thường	1102-1001	Hwa Nan Bank
TK thanh toán hạn trước	1268	
TK CT phải trả	2141-0000	Notes Payable
TK số dư bên Nợ	7101	Interest Income
TK mức chênh lệch bên Có	7103	Rent Income
TK CK	5204	Purchases Allowances
TK tiền trả trước	1256	Advance Payments
TK thanh toán dư	1256	Advance Payments

h. Thao tác thiết lập tính chất chứng từ

Vị trí: Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập tính chất chứng từ

Mục đích: Tạo và thiết lập tính chất chứng từ dùng trong “module công nợ phải trả”

Loại CT	Tên CT	Tên đầy đủ CT	Tính chất CT	N tắc tạo mã	Mã năm	Số mã STT	Định dạng	Xác nhận tự động	In tự động	Giới hạn người dùng nhập	P.tra trước đối khẩu từ	Phiếu bù từ khoản phải thu	Nguồn tự giá	Mã ghi chú	Accounts Payable	Mã ghi chú	In ghi chú mỗi trang	Chỉnh sửa ghi chú khi in	Mã xét duyệt	In xét duyệt mỗi trang	Chỉnh sửa xét duyệt khi in	Mã Cty khai báo thuế doanh thu	Success	Định dạng CT	Chọn định dạng CT khi in	In TC mỗi trang	Ghi chú	Quản lý dự toán	Mã dự toán
71A	PUR A/P	PUR A/P	71 CT phiếu chi tiền	1 Hàng ngày	2	3	YYMMDD999	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			I. Tự giá ngân hàng mua vào	2143-0000	Accounts Payable		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Leader	Success		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			

i. Thao tác thiết lập ghi chú thông báo tiền gửi

Vị trí: Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Quản lý DL cơ bản\ Thao tác thiết lập ghi chú thông báo tiền gửi

Mục đích: khi in “đơn thông báo tiền gửi” thân đơn sẽ hiển thị hàng ghi chú.

Thao tác thiết lập ghi chú thông báo tiền gửi(ACPI06)[Success]

Trang đầu

Ghi chú 1 說明事項 :

Ghi chú 2 請核對金額是否正確。

Ghi chú 3 請核對匯入銀行代號是否正確。

Ghi chú 4 請核對受款人是否正確。

Ghi chú 5

Ghi chú 6

Ghi chú 7

Ghi chú 8

OK Hủy bỏ

Browse 127.0.0.1 - 211

j. Thao tác thiết lập mối quan hệ giữa nhà sản xuất & khách hàng

Vị trí: Hệ thống quản lý công nợ phải thu \ Quản lý DL cơ bản\ Thao tác thiết lập khách hàng là nhà cung cấp

Mục đích: thiết lập dữ liệu những công ty/nhà máy vừa là khách hàng vừa là nhà cung cấp.

Thao tác thiết lập khách hàng là nhà cung cấp(ACRI07)[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Mã KH 1010 Sunlin

Mã NCC 1016 Time

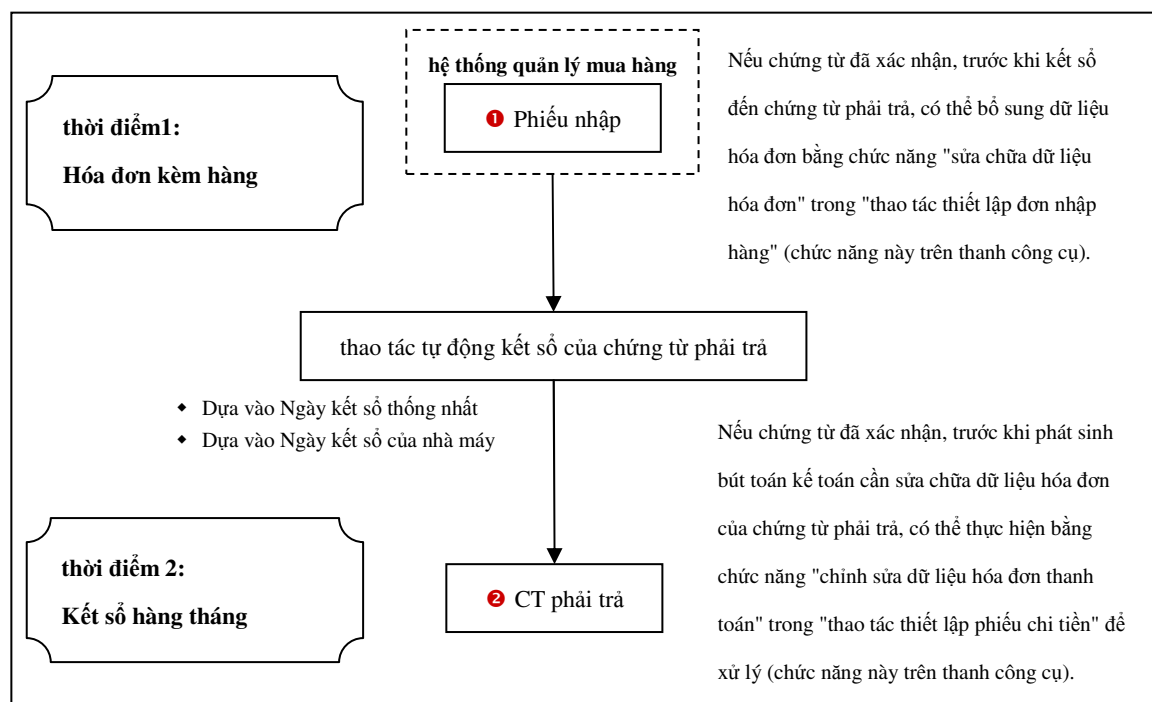
Ghi chú

Browse 127.0.0.1 - 211

Ghi chú: Để hiểu thêm về phần này xin tham khảo mục: “hệ thống quản lý công nợ phải trả \ dữ liệu cơ bản của hệ thống phải trả”.

F. Giải thích các quy trình

a. Quy trình nhập hàng có hóa đơn (lấy “đơn nhập hàng” làm VD)



❶ Nếu là “Hóa đơn kèm hàng” thì có thể nhập dữ liệu của hóa đơn trong “thao tác thiết lập phiếu nhập hàng”, sau đó có thể thông qua “Thao tác tự động kết sổ chứng từ phải trả” (theo ngày kết sổ thống nhất/nhà máy) để trực tiếp phát sinh dữ liệu hóa đơn sang “chứng từ phải trả”, không cần phải nhập lại.

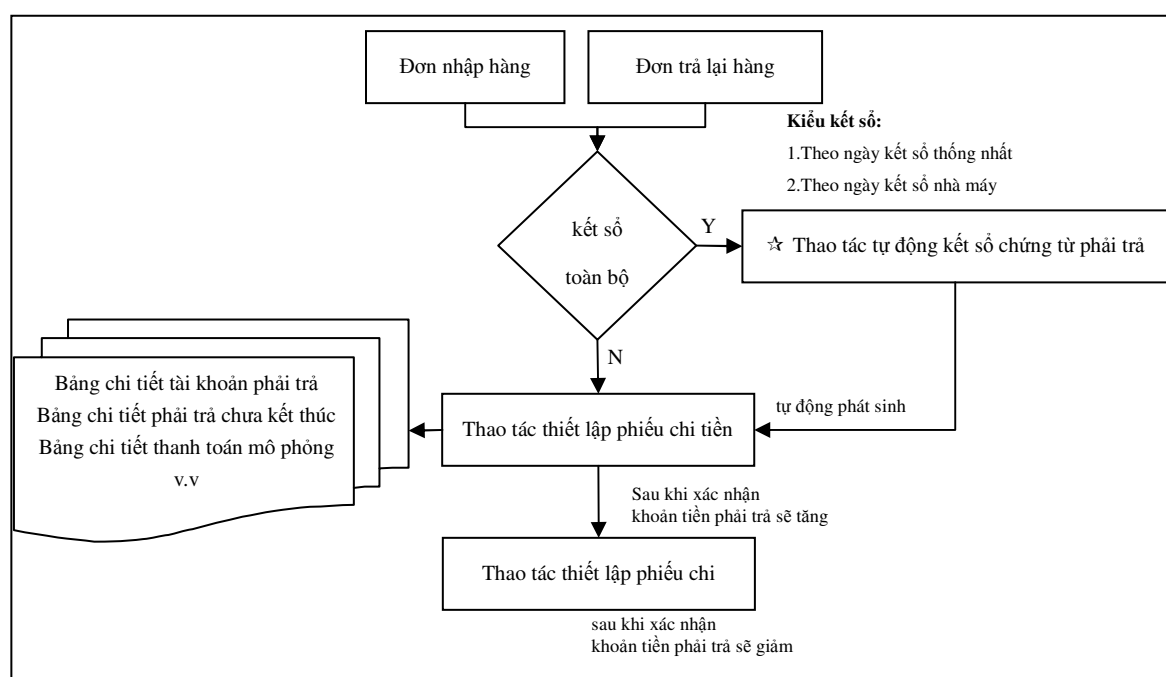
Nếu không phải là “Hóa đơn kèm hàng” thì phải lập “Thao tác tự động kết sổ chứng từ phải trả” (theo ngày kết sổ thống nhất/nhà máy) kết sổ đến “chứng từ phải trả”, sau đó bổ sung lại dữ liệu hóa đơn.

❷ Nếu mở hóa đơn bằng “Kết sổ hàng tháng”, có thể nhập dữ liệu hóa đơn trong “thao tác thiết lập phiếu chi tiền”, hoặc lập “Thao tác tự động kết sổ chứng từ phải trả” để xử lý hàng loạt.

Ghi chú: xin tham khảo mục “hệ thống quản lý mua hàng \ quản lý hóa đơn nhập hàng”.

b.Quy trình kết sổ (kết sổ cuối tháng)

1.Giải thích thao tác



Kiểu phát sinh của chứng từ phải trả:

- 1.Kết sổ trực tiếp: Sau khi xác nhận, hệ thống có tự động phát sinh “chứng từ phải trả” hay không sẽ được thiết lập trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ” của “đơn nhập/trả hàng”
- 2.Nhập bằng tay: trong “Thao tác thiết lập phiếu chi tiền” phải trực tiếp nhập mã “đơn nhập/trả hàng” cần kết sổ.
- 3.Tự động kết sổ: Thông qua “Thao tác tự động kết sổ chứng từ phải trả”, “ngày kết sổ thống nhất theo công ty hoặc nhà máy” để tự động phát sinh “chứng từ phải trả”.

☆Có thể chọn thao tác tự động kết sổ theo nguồn chứng từ khác nhau:

Tên thao tác	chứng từ kết sổ
① Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Thao tác hàng loạt\ Thao tác tự động kết sổ chứng từ phải trả	Đơn nhập/trả hàng, đơn nhập/trả hàng ủy thác gia công
② Hệ thống quản lý nhập khẩu \ Thao tác hàng loạt\ Thao tác tự động kết sổ chi phí nhập khẩu	Đơn chi phí nhập khẩu
③ Hệ thống quản lý nhập khẩu \ Thao tác điều chỉnh hàng loạt giá hàng hóa\ Thao tác tự động kết sổ mua nguyên vật liệu trả trước	Đơn mua vật liệu trả trước
④ Hệ thống quản lý thao tác XK \ Thao tác hàng loạt\ Thao tác tự động kết sổ chi phí xuất khẩu	Đơn chi phí xuất khẩu
⑤hệ thống quản lý bảo dưỡng \ Thao tác hàng loạt\ Phát sinh BC phải trả tu sửa	Đơn bảo dưỡng
⑥ Hệ thống quản lý \ Thao tác điều chỉnh hàng loạt giá hàng hóa\ Thù lao tự động phát sinh BC phải trả	Bản thảo tiền hoa hồng người đại lý buôn bán

Ghi chú: tham khảo mục “hệ thống quản lý công nợ phải trả \ thao tác kết sổ của hệ thống phải trả”.

2. Giải thích thao tác tự động kết sổ:

- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Thao tác hàng loạt \ Thao tác tự động kết sổ chứng từ phải trả
- ♦ VD (minh họa): công ty nhận được hóa đơn của nhà máy “1011 Ta tung Co. Ltd”. Ngày 25 kết toán nhập hàng, trả lại hàng hoặc chiết khấu của ngày 26 tháng trước đến ngày 25 tháng này.

Tính chất CT	Mã phiếu	Số tiền	Thuế suất	Tổng cộng
nhập hàng	34F-961108001	56,000	2,800	58,800
nhập hàng	34F-961112001	50,000	2,500	52,500
nhập hàng	34F-961124001	7920	396	8316
Trả hàng	35F-961120001	700	35	735

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Có 2 kiểu kết sổ: (1) ngày kết sổ thống nhất, (2) ngày kết sổ theo NCC
 - (1) ngày kết sổ thống nhất: theo ngày kết sổ của công ty để kết sổ.
 - (2) ngày kết sổ theo NCC: theo ngày thỏa thuận với khách hàng để kết sổ.

Ví dụ cụ thể:

★ Ngày kết sổ thống nhất

Giả sử nhà máy “Ta tung Co., Ltd” có 5 lần nhập hàng trong tháng 11, chi tiết như sau:



Thời gian kết sổ thống nhất là 1/11~31/11



Chứng từ phải trả 31/11

bao gồm các Đơn nhập hàng 001、 002、 003、 004、 005

★Ngày kết sổ theo NCC (ngày 25 hàng tháng)

Giả sử NCC “Ta tung Co., Ltd” nhập 5 lần hàng trong tháng 11, chi tiết như sau:



Tháng kết sổ tương ứng là tháng 11 (26/10~25/11)



CT phải trả 25/11

bao gồm các Đơn nhập hàng 001、 002、
003



CT phải trả 25/12

bao gồm các Đơn nhập hàng 004、
005

2 .Chọn kiểu phát sinh, 1 đơn nhập (trả) hàng phát sinh 1 phiếu chi tiền.

Giả sử nhà máy “Ta tung Co., Ltd.” có 2 dữ liệu nhập hàng trong tháng 8, chi tiết như sau:

Đơn nhập hàng NT nhập hàng 5/11/2007
0001bàn làm việc: 2chiếc 42,000
0002ghế làm việc: 2chiếc16,800

Đơn nhập hàng NT nhập hàng 12/11/2007
0001bàn làm việc: 1chiếc 42,000
0002ghế làm việc: 1chiếc 10,500

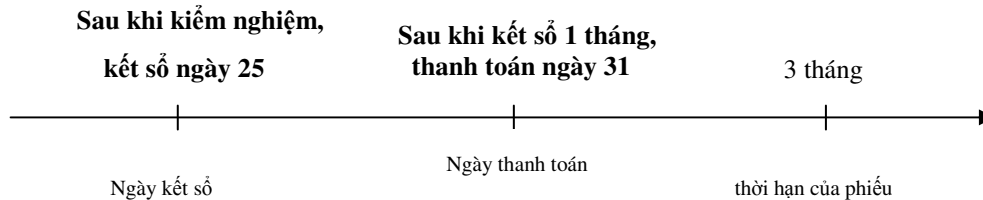
PT Phát sinh	<input type="checkbox"/> 1 đơn nhập (trả) hàng phát sinh 1 phiếu chi	<input checked="" type="checkbox"/> 1 đơn nhập (trả lại) hàng phát sinh 1 phiếu chi																							
Cả trang	<table><tr><th colspan="3">CT phải trả</th></tr><tr><td>0001</td><td>071105001</td><td>58,800</td></tr><tr><td>0002</td><td>071112001</td><td>52,500</td></tr></table>	CT phải trả			0001	071105001	58,800	0002	071112001	52,500	<table><tr><th colspan="2">CT phải trả</th></tr><tr><td>0001 071105001</td><td>58,800</td></tr><tr><th colspan="2">CT phải trả</th></tr><tr><td>0001 071112001</td><td>52,500</td></tr></table>	CT phải trả		0001 071105001	58,800	CT phải trả		0001 071112001	52,500						
	CT phải trả																								
0001	071105001	58,800																							
0002	071112001	52,500																							
CT phải trả																									
0001 071105001	58,800																								
CT phải trả																									
0001 071112001	52,500																								
Từng dòng	<table><tr><th colspan="3">CT phải trả</th></tr><tr><td>0001 071105001-0001</td><td>42,000</td></tr><tr><td>0002 071105001-0002</td><td>16,800</td></tr><tr><td>0003 071112001-0001</td><td>42,000</td></tr><tr><td>0004 071112001-0002</td><td>10,500</td></tr></table>	CT phải trả			0001 071105001-0001	42,000	0002 071105001-0002	16,800	0003 071112001-0001	42,000	0004 071112001-0002	10,500	<table><tr><th colspan="2">CT phải trả</th></tr><tr><td>0001 071105001-0001</td><td>42,000</td></tr><tr><td>0002 071105001-0002</td><td>16,800</td></tr><tr><th colspan="2">CT phải trả</th></tr><tr><td>0001 071112001-0001</td><td>42,000</td></tr><tr><td>0002 071112001-0002</td><td>10,500</td></tr></table>	CT phải trả		0001 071105001-0001	42,000	0002 071105001-0002	16,800	CT phải trả		0001 071112001-0001	42,000	0002 071112001-0002	10,500
	CT phải trả																								
0001 071105001-0001	42,000																								
0002 071105001-0002	16,800																								
0003 071112001-0001	42,000																								
0004 071112001-0002	10,500																								
CT phải trả																									
0001 071105001-0001	42,000																								
0002 071105001-0002	16,800																								
CT phải trả																									
0001 071112001-0001	42,000																								
0002 071112001-0002	10,500																								

3. Ngày dự tính thanh toán tính đến ngày NCC kết sổ

- Khi chọn kỳ kết sổ là “ngày kết sổ thống nhất”, có thể nhấn hoặc không nhấn chọn ô này:

Nếu là “ngày kết sổ theo NCC”, hệ thống mặc định nhấn chọn ô này.

Như: trong “thao tác lập dữ liệu cơ bản NCC”, chọn ngày kết sổ của “Ta tung Co., Ltd.” là ngày 25, điều kiện thanh toán là sau khi kết sổ 1 tháng, thanh toán vào ngày 31 hàng tháng, thời hạn của phiếu là 3 tháng.



- ⊙ Giả sử chấp nhận thao tác tự động kết sổ là ngày 25/11:

Ngày tháng của CT phải trả do hệ thống tự động phát sinh = 25/11

Ngày thanh toán dự tính = 31/12

Ngày thực hiện vốn (Thời hạn của phiếu) = 31/3

- Khi mã số thanh toán của “thao tác lập dữ liệu cơ bản của NCC” để trống:

Ngày chứng từ phải trả = ngày tháng chứng từ phải trả trong thao tác tự động kết sổ

Ngày thanh toán dự tính = ngày chứng từ phải trả

Ngày thực hiện vốn (Thời hạn của phiếu) = ngày chứng từ phải trả

Thông qua “thao tác tự động kết sổ” hệ thống tự động phát sinh chứng từ phải trả :

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACPI02)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Loại CT: 71A PUR A/P NCC: 1011 Ta tung Ngày CT: 2008/08/25
Mã CT: 080825001 PS bất toán Mã đóng băng Xác nhận: DS
Ngày CT: 2008/08/25 T. Thái duyệt: N-Không thực thi EasyFlow 系統管理者
T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Xuống: 001 Taipei OK T. Toán: 1M1 O/A next month, check 2 months Gửi: 0
Tiền tệ: NTD Ngày thanh toán dự tính: 2008/09/03 Lấy ngày CK thanh toán: 2008/09/03 In: 0
Tỷ giá: 1 Ngày thực hiện vốn: 2008/11/10 Lấy ngày CK đối tiền mặt: 2008/11/10 Kết số: N
Ghi chú: Tỷ lệ CK: 0.00%

STT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT tiền đặt cọc	Ngày CT	TK	Tên TK	Bộ phận CP
0001	1.Nhập hàng	34F	961108001	0001		2007/11/08	1226	Raw Materials	
0002	1.Nhập hàng	34F	961112001	0001		2007/11/12	1226	Raw Materials	
0003	1.Nhập hàng	34F	961124001	0001		2007/11/24	1226	Raw Materials	
0004	2.Tra hàng	35F	961120001	0001		2007/11/20	1226	Raw Materials	

Số tiền nguyên tệ phải trả: 113,220 Số tiền nội tệ phải trả: 113,220
Thuế (nguyên tệ): 5,661 Thuế (nội tệ): 5,661
Tổng số nguyên tệ phải trả: 118,881 Tổng số nội tệ phải trả: 118,881
Số tiền nguyên tệ đã trả: 0 Đã trả (nội tệ): 0

Browse Số món DL nội dung: 4 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Ngà)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế (nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án
0001	56,000	56,000	2,800	56,000	2,800	0	
0002	50,000	50,000	2,500	50,000	2,500	0	
0003	7,920	7,920	396	7,920	396	0	
0004	-700	-700	-35	-700	-35	0	

3. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi tiền
- ♦ Giải thích ví dụ: công ty nhận được hóa đơn của NCC “1011 Ta tung Co., Ltd.” vào ngày 25, kết toán nhập hàng, trả lại hàng hoặc chiết khấu từ ngày 26 tháng trước đến ngày 25 tháng này.

TC CT	MS	số tiền	thuế suất	tổng cộng
nhập hàng	34F-961108001	56,000	2,800	58,800
nhập hàng	34F-961112001	50,000	2,500	52,500
nhập hàng	34F-961124001	7920	396	8316
Trả hàng	35F-961120001	700	35	735

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền (ACPI02) [Success]

DL (D) Tác dụng (F) Thoát (X)

1. Loại CT: 71A PUR A/P NCC: 1011 Ngày CT: 2008/08/25 CONFIRM

Mã CT: 080825001 PS bút toán Mã đồng bằng Xác nhận: DS

Ngày CT: 2008/08/25 T. Thái duyệt: N. Không thực thi EasyFlow T. Thái chuyển EBO: Không cần chuyển

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Xuong: 001 Taipei O/K T. Toán: 1M1 O/A next month, check 2 months

Tiền tệ: NTD Ngày thanh toán dự tính: 2008/09/03 Lấy ngày CK thanh toán: 2008/09/03

Ty giá: 1 Ngày thực hiện vốn: 2008/11/10 Lấy ngày CK đối tiền mặt: 2008/11/10

Ghi chú: Ty lệ CK: 0.00%

STT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT tiền đặt cọc	Ngày CT	TK	Tên TK	Bộ phận CP
0001	1: Nhập hàng	34F	961108001	0001		2007/11/08	1226	Raw Materials	
0002	1: Nhập hàng	34F	961112001	0001		2007/11/12	1226	Raw Materials	
0003	1: Nhập hàng	34F	961124001	0001		2007/11/24	1226	Raw Materials	
0004	2: Trả hàng	35F	961120001	0001		2007/11/20	1226	Raw Materials	

Số tiền nguyên tệ phải trả: 113,220 Số tiền nội tệ phải trả: 113,220

Thuế (nguyên tệ): 5,661 Thuế (nội tệ): 5,661

Tổng số nguyên tệ phải trả: 118,881 Tổng số nội tệ phải trả: 118,881

Số tiền nguyên tệ đã trả: 0 Đã trả (nội tệ): 0

Browse Số môn DL nội dung: 4 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Nguyên)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế (nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án
0001	56,000	56,000	2,800	56,000	2,800	0	
0002	50,000	50,000	2,500	50,000	2,500	0	
0003	7,920	7,920	396	7,920	396	0	
0004	-700	-700	-35	-700	-35	0	

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Mã thuế suất: P04 Triple Uniform Invoice

MST: 74335086

Loại thuế: 2. Không có thuế

Số liên hóa đơn: 2

Ngày: / / Tháng khai báo: 2008/08 Thuế suất: 5.00%

Mã hóa đơn: QS91045571

Loại khấu trừ: 1. Được khấu trừ nhập hàng và CP

Ngày phiếu CK: 2008/08/01

Số tiền có thuế: 18,000

Mức thuế Ho: 900

Tiền hóa đơn: 18,900

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhập “thêm mới” để tạo chứng từ mới, cần chọn “tính chất chứng từ” là “71.chứng từ phiếu chi tiền” trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “Ngày CT”.
3. Nhập mã số “NCC” (nhà cung cấp).
4. Trong “TAB: DL chứng từ” chọn loại “tiền tệ” kết sổ và dữ liệu của nhập / trả lại hàng, chiết khấu cần đưa vào kết sổ.
5. Kiểm tra “ĐK thanh toán” trong “ TAB: dữ liệu chứng từ” có chính xác hay không, nhằm quản lý tốt thời gian thanh toán và ước tính tiền vốn.
6. Kiểm tra “Số liên hóa đơn” và “Mã thuế suất” trong “ TAB: DL hóa đơn” có giống như dữ liệu của đơn nhận/trả hàng, chiết khấu hay không. Đồng thời kiểm tra xem số tiền phải trả có chiết khấu thuế suất hay không.
7. Nhập mã số hóa đơn của NCC vào mục “mã hóa đơn” trong TAB: DL hóa đơn.
8. Trong cột nguồn ở phần thân đơn chọn “1.nhập hàng”, sau đó chọn cột “loại CT”, bấm F2 (chọn một đơn đặt hàng) hoặc F3 (chọn nhiều đơn đặt hàng) để chọn đơn nhập hàng tương ứng cần kết sổ. Hệ thống sẽ tự động phát sinh các dữ liệu khác như: ngày tháng chứng từ, số tiền..v..v..
9. Trong cột nguồn ở phần thân đơn chọn “1.trả hàng”, sau đó chọn cột “loại CT”, bấm F2 (chọn một đơn đặt hàng) hoặc F3 (chọn nhiều đơn đặt hàng) để chọn đơn trả hàng tương ứng cần kết sổ. Hệ thống sẽ tự động phát sinh các dữ liệu khác như: ngày tháng chứng từ, số tiền..v..v..
10. Sau khi nhập xong lưu lại và chờ ký duyệt, sau khi ký duyệt trên giao diện sẽ xuất hiện chữ “CONFIRM” màu đỏ. Ngoài ra sau khi lưu, hệ thống sẽ căn cứ dữ liệu về số tiền và thuế suất trong phần thân đơn để đưa vào “tiền hàng hóa đơn” và “thuế suất hóa đơn” trong “TAB: dữ liệu hóa đơn”, do đó không cần nhập bằng tay. Dữ liệu của trang này có thể dùng cho các chứng từ sau này.

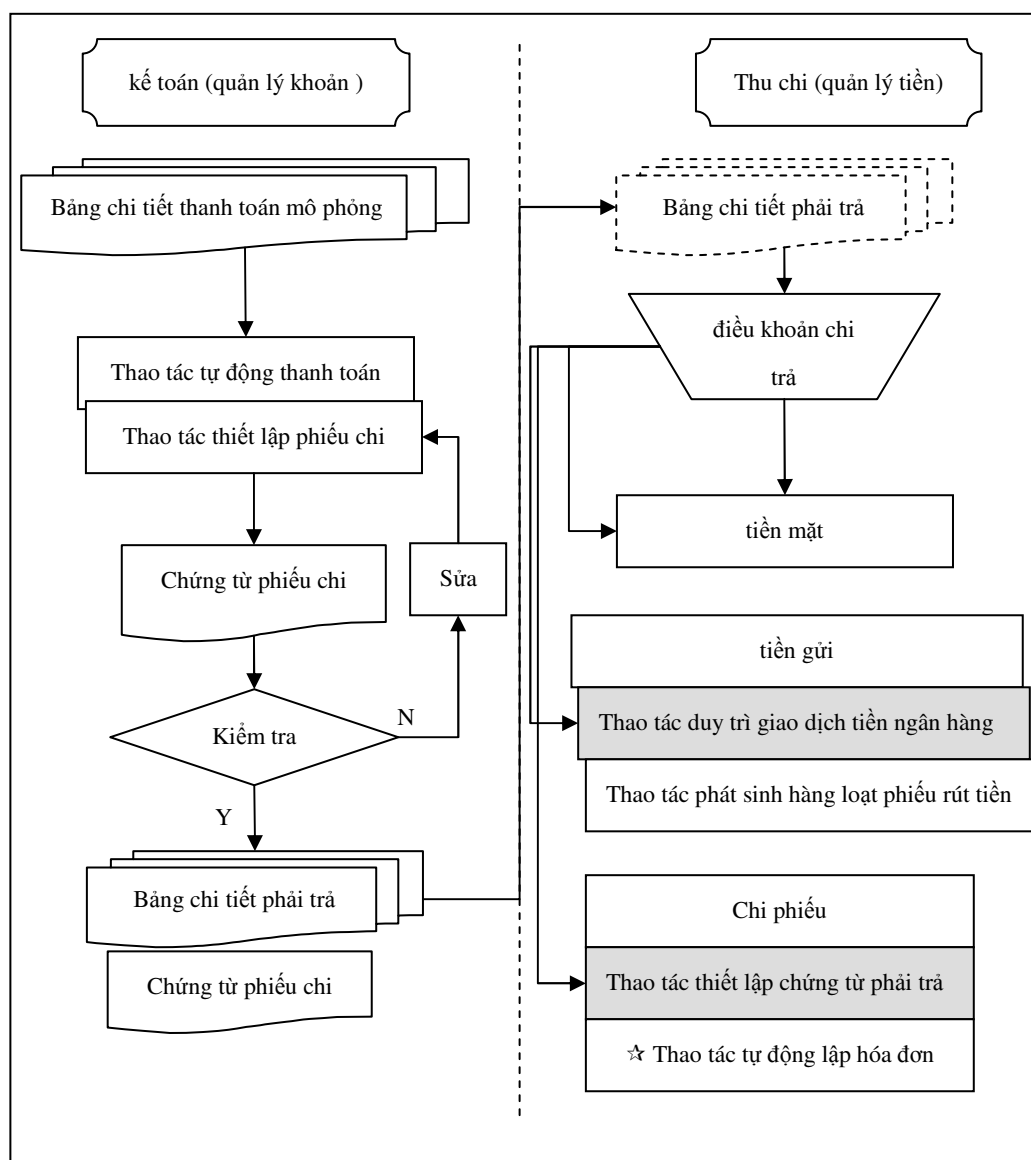
Bài tập1:

Ngày 25 tháng này nhận được hóa đơn của NCC “1012 Hwa Hsia Co., Ltd.”(tự động nhập mã số hóa đơn), công ty muốn kết toán nhập hàng vào ngày 4 và ngày 13 , kết toán trả hàng vào ngày 17 tháng này.

c. Quy trình trả tiền

1. Giải thích quy trình

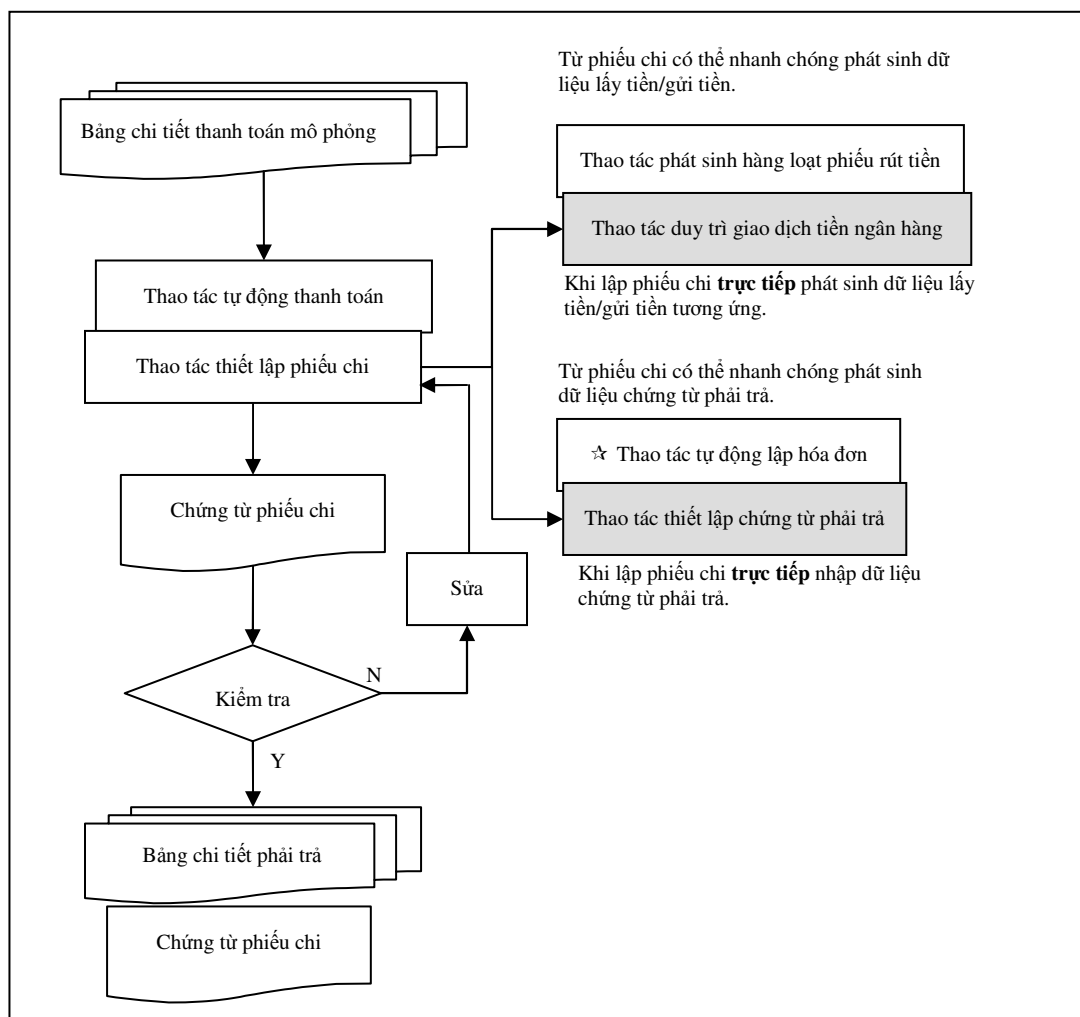
1). Tách rời quyền lợi và trách nhiệm



Thao tác trong “Hệ thống quản lý chi phiếu”.

☆ Trước khi sử dụng thao tác này, cần thiết lập dữ liệu trong “Hệ thống quản lý chi phiếu\ Quản lý DL cơ bản\ Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng”.

2).Không tách rời quyền lợi và trách nhiệm



■ Là thao tác của “Hệ thống quản lý chi phiếu”.

☆ Trước khi thực hiện thao tác này, cần chuẩn bị trước số liệu hóa đơn tương ứng trong “Hệ thống quản lý chi phiếu\ Quản lý DL cơ bản\ Thao tác thiết lập số tài khoản ngân hàng”.

Ghi chú: tham khảo thêm trong giáo trình điện tử (elearning) mục : số “Hệ thống quản lý công nợ phải trả\ thao tác trả tiền của hệ thống phải trả”

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý công nợ phải trả\ Xử lý biến động hàng ngày\ Thao tác thiết lập phiếu chi
- ♦ Giải thích ví dụ: theo quy trình 2, trả toàn bộ tiền hàng cho NCC “1001 NCC trong nước.” bằng chi phiếu vào ngày 26 tháng sau, sau 3 tháng chi phiếu này sẽ đến hạn vào ngày 9, thông qua thao tác này để ghi nhận dữ liệu

The screenshot shows the ACPI03 software interface for creating a receipt. The interface is in Vietnamese. Red boxes and numbers 1-10 highlight specific areas of interest:

- 1: Loại phiếu chi (Receipt Type) dropdown menu.
- 2: Ngày CT (Receipt Date) field.
- 3: Mã NCC (Supplier Code) field.
- 4: Tiền tệ (Currency) dropdown menu.
- 5: STT (Serial Number) field.
- 6: Loại CT nguồn (Receipt Source Type) field.
- 7: Mã CT nguồn (Receipt Source Code) field.
- 8: Sô tiền nguyên tệ (Original Amount) field.
- 9: Mã CT tham khảo (Reference Code) field.
- 10: CONFIRM button.

The table at the bottom shows transaction details with columns for STT, Sô tiền nguyên tệ, Sô tiền (nội tệ), Mã hóa đơn, Ngày giao hạn, Mã CT tham khảo, and Mã ngân hàng.

9 Thao tác thiết lập chứng từ phải trả(NOTI03)[測試資料庫]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Mã NCC 1001 Ngày lập CT 26/12/2008 <TUE>

Tên tắt NCC 國內供應商 NH thanh toán 1102-1007

Tên đầy đủ NCC

DL CT DL thanh toán Xem DL

Số phiếu AB0001 Loại CT

Tiền tệ NTD Tỷ giá 1 Tình trạng CT 1:Lập phiếu

Số tiền trên Hđ In 0

Ngày đáo hạn 26/02/2009 <MON>

TK ngân hàng 999-999-999

Tên tắt ngân hàng 第一商業銀行

STT	Ngày thay đổi	Loại biến động	Tỷ giá	Loại CT	Mã CT	PS mã bút toán
0001	26/12/2008	1:Lập phiếu		1		

Browse Số đồng dữ liệu nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích các điểm quan trọng

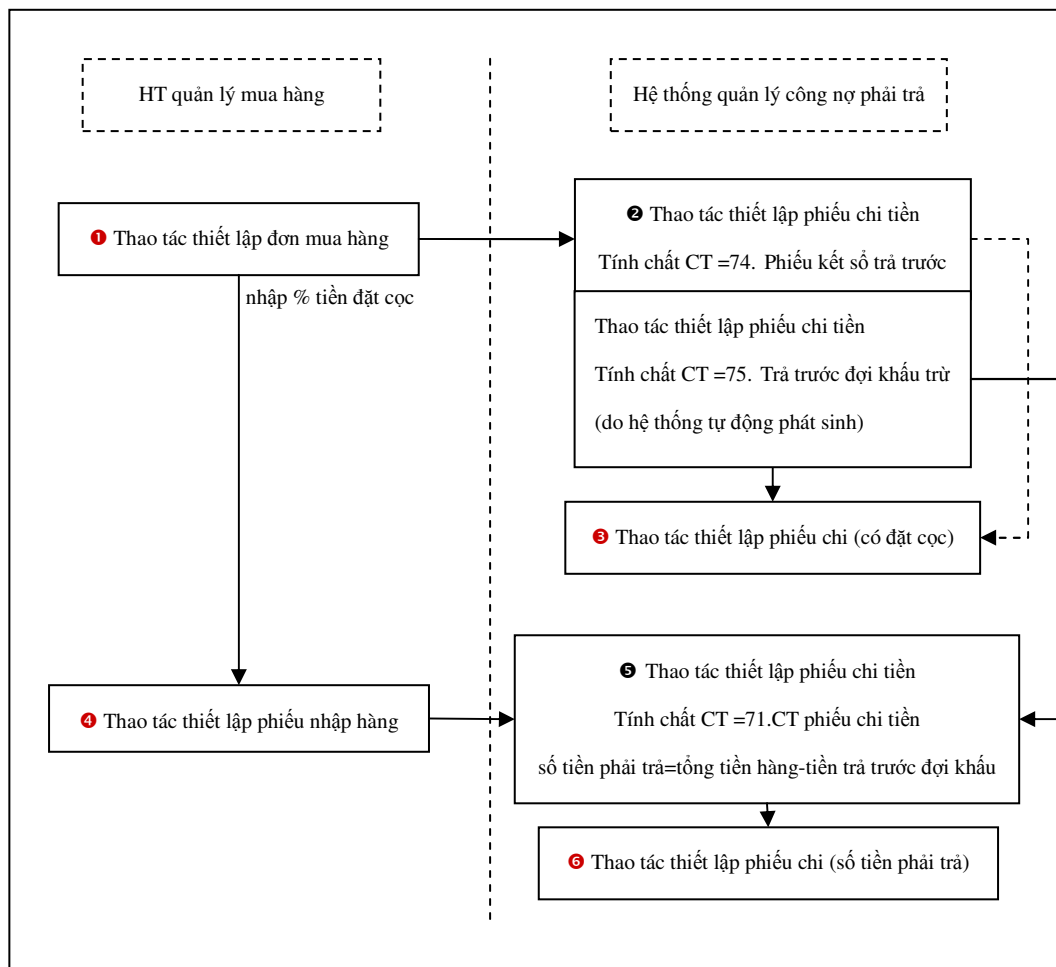
1. Nhập “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.chứng từ thanh toán”, đã được thiết lập trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày lập chứng từ”.
3. Nhập “Mã NCC”.
4. Chọn “xưởng” và “loại tiền tệ”.
5. Nhập hàng dữ liệu thứ nhất trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Nợ”, trong cột “Loại” chọn “4.đối ứng”.
6. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 để mở cửa sổ và chọn “Loại phiếu chi” được thiết lập tương ứng, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra dữ liệu liên quan, không cần nhập bằng tay.
7. Nhập hàng dữ liệu thứ hai trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.Chứng từ phải trả”.
8. Trong cột “Số tiền nguyên tệ” nhập vào số tiền cần trả.
9. Trước tiên phải nhập tài khoản chi phiếu của ngân hàng, trong cột tài khoản nhập mã số tài khoản, bấm F2 hệ thống sẽ tự động liên kết đến “hệ thống quản lý chi phiếu \ Xử lý biến động hàng ngày \ thao tác thiết lập chứng từ phải trả”, hệ thống sẽ tự động thêm dữ liệu của chứng từ phải trả.
10. Nhập xong thì lưu, rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, vào “Thao tác thiết lập phiếu chi tiền” tìm chứng từ chi tiền đã được đối ứng cùng với Nội/Ngoại tệ đã trả ở phần cuối đơn đã được cập nhật lại.

Bài tập 2:

Theo Bài tập 1, mở chi phiếu trả tiền hàng tháng đó cho NCC “1012 Hwa Hsia Co., Ltd.”, nhập dữ liệu cần thanh toán vào “thao tác thiết lập phiếu chi”, và in “bảng chi tiết chứng từ trả tiền” đưa cho nhân viên thu chi mở phiếu.

d. Quy trình trả trước (nhiều lần trả trước - ghi chép dữ liệu hóa đơn)

1. Giải thích quy trình



Ghi chú: tham khảo “hệ thống quản lý công nợ phải trả \ thao tác trả trước của hệ thống phải trả”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

- ♦ Vị trí thao tác: HT quản lý mua hàng \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập đơn mua hàng

HT quản lý mua hàng \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu nhập hàng

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi tiền

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi.

- ♦ Giải thích ví dụ: nhà cung cấp “1011 Ta tung Co., Ltd.” yêu cầu công ty trả trước tiền đặt cọc 20% giá trị đơn đặt hàng, sau khi nhận được yêu cầu này, bộ phận mua hàng sẽ thông báo cho bộ phận tài chính tiến hành trình tự thanh toán.

Đơn mua hàng này như sau:

Thao tác thiết lập đơn mua hàng(PUR107)[測試資料庫]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Loại đơn mua hàng 33A Ngày CT 19/06/2009 Trạng thái chuyển N Chưa chuyển

Mã đơn mua hàng 0090619001 NCC 1011 Ta tung Ngày mua 19/06/2009

Mã quy trình Phiên bản 0000 Xác nhận

T thái chuyển EBO Không cần chuyển

DL GD (1) DL GD (2) Mẫu dịch vụ phương Xem DL

Mã xưởng 001 NV mua hàng 401 PT v chuyển Đặt cọc theo đặt Tỷ lệ tiền đặt cọc 20.00%

Tiền GD NTD Ty giá 1 \$ Đặt cọc theo đặt Tỷ lệ tiền đặt cọc 20.00%

Mã thuế suất P04 Loại thuế 1: Có thuế Thuế suất 5.00%

Ghi chú In 0 Số lần gửi 0

Xác nhận EBC Mã đơn mua EBC Phiên bản mua EBC Gửi đến EBC

STT	Nguồn	Kiểu	Mã SP	Tên SP	Quy cách	SL mua hàng	oG mua	Số tiền mua	Ngày dự định giao hàng
0001	9 Khác	2 Mã SP chính thức	101010	đồ chơi		20,000	1	20,000	19/06/2009
0002	9 Khác	2 Mã SP chính thức	1111	ca wong nước		20,000	2	40,000	19/06/2009
0003	9 Khác	2 Mã SP chính thức	1112	khuyên ca wong nước		20,000	1.5	30,000	19/06/2009

Số tiền mua 85,714 Mức thuế 4,286 Tổng số tiền 90,000

Tổng SL 60,000

Insert Số đồng dữ liệu nội dung: 3 1112 khuôn ca wong nước 127.0.0.1 - 211

- ♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Mã đơn mua hàng là “33A-0090619001”.
2. Mã sản phẩm mua như hình trên, tổng số tiền là \$90000 (bao gồm thuế), ngày dự định giao hàng là 19/6/2009.
3. TL đặt cọc 20%.

Chi trả tiền đặt cọc của nhà máy bằng séc, đơn vị tài vụ nhập dữ liệu sau trong “Thao tác thiết lập phiếu chi tiền”:

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACPI02)[測試資料庫]

DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

1 📄 🔍 🗑️ 🖨️ ⏪ ⏩ 🔄 ✅ ❌ 🔒 🔧 🚫 🛡️ 🔑 🔐 💰 📅 📊 📈

Loại CT 740 📄 預付應付單 NCC 1011 👤 Ta tung Ngày CT 19/06/2009 **CONFIRM**

Mã CT 0090619001 ☐ PS bút toán ☐ Mã đóng băng Xác nhận V0001

Ngày CT 19/06/2009 T.Thái duyệt N.Không thực thi EasyFlow 2 3 6

T thái chuyển EBO Không cần chuyển

DL CT	DL hóa đơn	DL khác	Xem DL
Xuong 001 📄 台北廠 ôK thanh toán IM1 📄 次月初付款 2個月票期			
Tiền tệ NTD \$ Ngày thanh toán dự tính 01/07/2009 <input type="checkbox"/>			Gui 0
Ty giá 1 \$ Ngày thực hiện vốn 10/09/2009 <input type="checkbox"/>			In 0
Ghi chú 📄			Kết thúc N
			Ty lệ CK 0.00%

STT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT đặt cọc	Ngày CT	TK	Tên TK
▶ 0001	B.Mua hàng	33A	0090619001			19/06/2009	1562	Chi phí thu mua hàng hóa

5

Số tiền nguyên tệ phải tra	17100	Số tiền nội tệ phải tra	17100
Thuế(nguyên tệ)	900	Thuế(nội tệ)	900
Tổng số nguyên tệ phải tra	18000	Tổng số nội tệ phải tra	18000
Số tiền nguyên tệ đã tra	0	Đã tra (nội tệ)	0

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Ngàn)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế (nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Ghi chú
0001	18,000	17100	900	17100	900	750-0090619001

DL CT	DL hóa đơn	DL khác	Xem DL
Mã thuế suất	P05	<input type="button" value="⏮"/> Nhập 3 liên式發票-應稅外加	
Loại thuế	<input type="text" value="2:Không có thuế"/>	MST	<input type="text" value="74335086"/>
Số liên hóa đơn	<input type="text" value="2"/> 三聯式	Loại khấu trừ	<input type="text" value="1:Được khấu trừ nhập hàng và CP"/>
Ngày	<input type="text" value="/ /"/>	Tháng khai báo	<input type="text" value="06/2009"/>
		Thuế suất	<input type="text" value="5.00%"/>
Mã hóa đơn	<input type="text" value="123456789123456"/>		

G chú thuế lá/nợ

Ngày phiếu CK	<input type="text" value="19/06/2009"/>
Số tiền có thuế	<input type="text" value="17100"/>
Mức thuế Hô	<input type="text" value="900"/>
Tiền hóa đơn	<input type="text" value="18000"/>

- ♦ Giải thích các điểm quan trọng:
 1. Nhập “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.Phiếu kết sổ trả trước” đã được thiết lập trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
 2. Nhập “ngày tháng chứng từ”.
 3. Nhập mã số “NCC”.
 4. Nhập mã số hóa đơn của NCC vào mục “mã hóa đơn” trong “TAB: dữ liệu hóa đơn”.
 5. Trong cột “nguồn” chọn “B.mua hàng”, trong cột “Loại chứng từ” bấm F2 mở cửa sổ để chọn mã đơn mua hàng có trả tiền đặt cọc, sau đó hệ thống tự động đưa ra dữ liệu

khác, như: ngày tháng chứng từ, số tiền tổng số tiền trong đơn mua hàng \times tỷ lệ đặt cọc)
v.v.

- Sau nhập xong thì lưu lại, rồi CONFIRM. Hệ thống sẽ tự động phát sinh một “Phiếu trả trước đợt khấu trừ”, mã số của phiếu trả trước đợt khấu trừ sẽ được cập nhật lại trong phần “ghi chú” của phiếu kết sổ trả trước. Phiếu trả trước đợt khấu trừ như hình sau:

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền (ACPI02) [測試資料庫]

DL (D) Tác dụng (F) Thoát (X)

Loại CT: 740 預付應付單 NCC: 1011 Ta tung Ngày CT: 19/06/2009 **CONFIRM**
Mã CT: 0090619002 PS bút toán Mã đóng băng Xác nhận: V0001
Ngày CT: 19/06/2009 T. Thái duyệt: N. Không thực thi EasyFlow 吉瓊茹
T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Xuong: 001 台北廠 0K thanh toán: 1M1 次月初付款 2個月票期 Gui: 0
Tiền tệ: NTD Ngày thanh toán dự tính: 01/07/2009 Lấy ngày CK thanh toán: 01/07/2009 In: 0
Tỷ giá: 1 Ngày thực hiện vốn: 10/09/2009 Lấy ngày CK đối tiền mặt: 10/09/2009 Kết thúc: V
Ghi chú: Tỷ lệ CK: 0.00%

STT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT đặt cọc	Ngày CT	TK	Tên TK
0001	9-Khác	71A	0090619002	0001		19/06/2009	1288	Đầu tư ngắn hạn khác

Số tiền nguyên tệ phải trả: 17100 Số tiền nội tệ phải trả: 17100
Thuế (nguyên tệ): 900 Thuế (nội tệ): 900
Tổng số nguyên tệ phải trả: 18000 Tổng số nội tệ phải trả: 18000
Số tiền nguyên tệ đã trả: 0 Đã trả (nội tệ): 0

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Ngđ)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế (nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án	Ghi chú
0001	17100	17100	900	17100	900	0		750-0090619002

Bài tập 3:

Vào “hệ thống quản lý mua hàng \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác thiết lập đơn mua hàng” để tìm lại đơn mua hàng, công ty cần đặt đơn mua hàng với NCC “1012 Hwa Hsia Co., Ltd.” vào ngày 1 tháng này, “tỷ lệ đặt cọc” là 20%, mã sản phẩm là “INV1001 Footpad SL”, số lượng 5000, đơn giá \$3, số tiền \$15000, ngày dự kiến giao hàng ngày 16 tháng này. Nếu bạn là nhân viên tài vụ (thuộc bộ phận tài chính) phụ trách xử lý khoản tiền phải trả, xin nhập tỉ lệ đặt cọc như trên vào “thao tác thiết lập chứng từ phải trả”, sau khi nhập xong, rồi CONFIRM, kiểm tra xem hệ thống có tự động phát sinh “phiếu trả trước đợt khấu trừ” hay không”

Tiếp theo nhập phiếu chi (trả tiền đặt cọc):

Thao tác thiết lập phiếu chi (ACPI03) [測試資料庫]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại phiếu chi: 4731 In: 0 Số lần gửi: 0

Mã phiếu chi: 20090100001 T. Thái duyệt: N: Không thực thi EasyFlow

Ngày CT: 01/10/2008 Mã phiếu thu tiền: CONFIRM

Mã NCC: 1011 Mã KH:

Xương: 001 台北廠 Cân đối TK phiếu thu tiền

Tiền tệ: NTD Ngày thanh toán: 01/10/2008

Ghi chú: Xác nhận: Y0005 何美廷

T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

STT	Nợ/Có	Loại	T. nguồn	Mã CT nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
1	D.Nợ	4.đổi ứng		20090100001	2143	Hao môn TSCó vô hình			NTD
2	C.Có	2.Chứng từ phải trả			3310				NTD

TC

Số tiền bên Nợ nguyên tệ	18,000	Bên Nợ (nội tệ)	18,000
Số tiền bên Có	18,000	Số tiền bên Có	18,000
Mức chênh lệch	0	Mức chênh lệch	0

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhấp “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.Chứng từ thanh toán” đã được thiết lập trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “Mã NCC”.
3. Nhập hàng dữ liệu thứ nhất trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Nợ”, trong cột “Loại” chọn “4.đổi ứng”.
4. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ và chọn “Mã số phiếu kết sổ trả trước” được thiết lập trong bước trước, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra dữ liệu khác, không cần nhập bằng tay.
5. Nhập hàng dữ liệu thứ hai trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.Chứng từ phải trả”.
6. Cột “số tiền nguyên tệ” được nhập bằng với số tiền nguyên tệ ở hàng dữ liệu phía trên
7. Nhập xong thì lưu, rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, vào “Phiếu kết sổ trả trước” tìm cột Số tiền Nội/Ngoại tệ đã trả ở phần cuối đơn đã được cập nhật lại chưa.
8. Tiếp theo đưa cho nhân viên thu chi mở phiếu.

Bài tập 4:

Đối với “Phiếu kết sổ trả trước” bước trên nhập, phải nhập một “đơn trả tiền trước” để ghi lại tiền hàng đã chi trả cho nhà máy bằng chi phiếu.

Tiếp theo là nhập hàng thực tế:

Thao tác thiết lập phiếu nhập hàng(PUR109)[测试资料庫]

DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

Phiếu nhập hàng 34E 進貨(結帳) Mã bảo thuế 0.Theo mã SP mặc định

Mã nhập hàng 0090619001 Ngày CT 19/06/2009

NCC 1011 Ta tung Ngày nhập hàng 19/06/2009

Mã thông báo N Không thông báo T thái chuyển EBO Không cần chuyển

DL GD DL hóa đơn DL tiền đặt cọc/EBC Xem DL

Mã CT nguồn 33A Mã SP 0971001001

Mã phiếu trả trước 750 Mã SP 0090619001

Số tiền khấu trừ 18,000

Thuế khấu trừ 900

Đơn thông báo xuất hàng EBC

Phiên bản thông báo xuất hàng EBC

Đặt cọc theo đợt

Gửi đến EBC

ST	Kiểu	Mã SP	Tên SP	Quy cách	SL nhập hàng	đV	SL nghiệm thu	Giá mua đV	Số tiền mua (nguyên tệ)
000	2 Mã SP chính thức	101010	đồ chơi		20,000	pcs	20,000	1	20,000
000	2 Mã SP chính thức	1111	cà vương nước		20,000	cai	20,000	2	40,000
000	2 Mã SP chính thức	1112	khăn ca vạt		20,000	cai	20,000	1.5	30,000

Ng tậ	Số tiền mua hàng	90,000	Nội tậ	CP mua hàng	0	Tổng SL	60,000
	Số tiền khấu trừ	0		Số tiền hàng	90,000		
	Số tiền hàng	90,000		Mức thuế	4,500		
	Mức thuế	4,500		Tổng số tiền	94,500		
	Tổng số tiền	94,500		Khấu trừ vốn tự góp	0		
	Khấu trừ vốn tự góp	0					

Browse Số đồng dữ liệu nội dung: 3 101010 đồ chơi 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Dùng chức năng “sao chép chứng từ trước” trên thanh công cụ để sao chép dữ liệu từ “đơn mua hàng” sang “đơn nhập hàng” (tính chất chứng từ của “đơn nhập hàng” này cần thiết lập là “tự động xác nhận” và “kết sổ trực tiếp”), hệ thống sẽ tự động đưa ra dữ liệu về “mã phiếu trả trước” và “số tiền/thuế khấu trừ” tương ứng.
2. Phần thân đơn sẽ liệt kê chi tiết về số lượng và số tiền của lần nhập hàng này.
3. Sau đó bộ phận quản lý kho sẽ kiểm tra chất lượng sản phẩm để tiến hành nhập kho, rồi CONFIRM, hệ thống sẽ tự động phát sinh một chứng từ phải trả, như hình sau:

Chứng từ phải trả do hệ thống tự động phát sinh:

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACPI02)[測試資料庫]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Loại CT **71A** **採購應付單** NCC **1011** Ta tung Ngày CT **19/06/2009** **CONFIRM**

Mã CT **0090619002** PS bút toán Mã đóng băng Xác nhận **Y0001**

Ngày CT **19/06/2009** T.Thái duyệt **N:Không thực thi EasyFlow** **吉慶茹**

T thái chuyển EBO **Không cần chuyển**

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Xuong **001** **台北廠** **oK thanh toán** **1M1** **次月初付款 2個月票期** Gui **0**

Tiền tệ **NTD** Ngày thanh toán dự tính **01/07/2009** Lấy ngày CK thanh toán **01/07/2009** In **0**

Ty giá **1** Ngày thực hiện vốn **10/09/2009** Lấy ngày CK đối tiền mặt **10/09/2009** Kết thúc **N**

Ghi chú Ty lệ CK **0.00%**

STT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT đặt cọc	Ngày CT	TK	Tên TK
0001	1:Nhập hàng	34F	0081024002	0001		19/06/2009		
0002	A:Tra trước đợt khấu	750	0090619002			01/06/2009		

Số tiền nguyên tệ phải trả **-17,600** Số tiền nội tệ phải trả **-17,600**

Thuế(nguyên tệ) **-880** Thuế(nội tệ) **-880**

Tổng số nguyên tệ phải trả -18,480 Tổng số nội tệ phải trả 18,480

Số tiền nguyên tệ đã trả **0** Đã trả (nội tệ) **0**

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 3 **127.0.0.1 - 211**

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Nguyên)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế(nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án
0001	400	400	20	400	20	0	
0002	-18,000	-18,000	-900	-9,000,000	-450,000	0	
0003	0	0	0	8,982,000	449,100	0	

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Mã thuế suất **P05** **進項三聯式發票-應稅外加**

Loại thuế **2:Không có thuế** MST **74335086** **G chú thuế lá/nợu**

Số liên hóa đơn **2** **三聯式** Loại khấu trừ **1:Được khấu trừ nhập hàng và CP** Ngày phiếu CK **19/06/2009**

Ngày **11** Tháng khai báo **06/2009** Thuế suất **5.00%** Số tiền có thuế **-17,600**

Mã hóa đơn **123456789123456** Mức thuế Hb **-880**

Tiền hóa đơn **-18,480**

♦ Giải thích các điểm quan trọng

1. “Chứng từ phải trả” do hệ thống tự động phát sinh từ “đơn nhập hàng” có thuộc tính là kết sổ trực tiếp (thuộc tính này thiết lập trong “thao tác thiết lập tính chất chứng từ” & “tính chất chứng từ” của đơn này là “71.chứng từ phiếu chi tiền”).
2. Bước thứ nhất nhập “đơn nhập hàng”, bước thứ hai là nhập số tiền đặt cọc vào “Phiếu kết sổ trả trước”. Sau khi xác nhận hệ thống sẽ tự động sinh ra “Phiếu trả trước đợt khấu trừ”.
3. “Số tiền mua hàng” là số dương, tức là khoản phải trả tăng thêm, “số tiền trả trước đợt khấu trừ” là số âm, tức là khoản phải trả giảm.
4. “Tổng (nguyên/nội tệ)” cho biết tổng cộng số tiền cuối cùng cần phải trả.
5. Có thể sử dụng phím “chỉnh sửa dữ liệu hóa đơn thanh toán” trên thanh công cụ để bổ sung dữ liệu hóa đơn.

Bài tập 5:

Trong bài tập này, chúng ta **thực hiện** các thao tác của nhân viên quản lý kho, vị trí đường dẫn “Hệ thống quản lý mua hàng/xử lý biến động hàng ngày/thao tác thiết lập phiếu nhập hàng”. Sử dụng phương thức “sao chép chứng từ trước” (chọn nguồn gốc đơn là đơn mua hàng ngày 1 tháng này của “1012 công ty Hoa Hạ”, thêm mới mẫu đơn là “34E nhập hàng (kết sổ)”. Sau khi nhập dữ liệu xong lưu lại và xác nhận, nhân viên điều chỉnh khoản tiền sẽ theo vị trí đường dẫn “hệ thống quản lý công nợ phải trả \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác lập chứng từ phải trả” để tra cứu lại dữ liệu đó.

Ngày dự định thanh toán cho NCC bằng chi phiếu:

Thao tác thiết lập phiếu chi (ACPI03) [Success]

Chi tiết Xem DL

Loại phiếu chi 730

Mã phiếu chi 080901002

Ngày CT 2008/09/01

Mã NCC 1011

Ta tung

Xuong 001

Taipei

Ghi chú

Tiền tệ NTD

In 0

Số lần gửi 0

T. Thái duyệt Không thực thi EasyFlow

Mã phiếu thu tiền

Mã KH

Cân đối TK phiếu thu tiền

Ngày tháng thanh toán 2008/09/01

Xác nhận DS

T thái chuyển EBO Không cần chuyển

STT	Nợ/Có	Loại	Loại CT nguồn	Mã CT nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
0001	D.Nợ	4.Đ.Đ.	71A	080821001	2143-0000	Accounts Payable			NTD
0002	C.Có	2:CT phải trả			2141-0000	Notes Payable			NTD

TC

Bên Nợ (nguyên tệ) 75,600

Bên Nợ (nội tệ) 75,600

Số tiền bên Có 75,600

Số tiền bên Có 75,600

Mức chênh lệch 0

Mức chênh lệch 0

Browse Số môn DL nội dung: 2

127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền lập số	Số dư lập số	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Mã hóa đơn	Đảo hạn	Mã CT tham khảo	Mã ngân hàng
0001	75,600	75,600	75,600	75,600	Q891045589	2008/11/10	ES7799004	1102-1017
0002	0	0	75,600	75,600		2008/11/10	ES7799004	1102-1017

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhập “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.Chứng từ thanh toán” trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “Mã NCC”.
3. Nhập dữ liệu trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Nợ”, trong cột “Loại” chọn “4.đối ứng”.

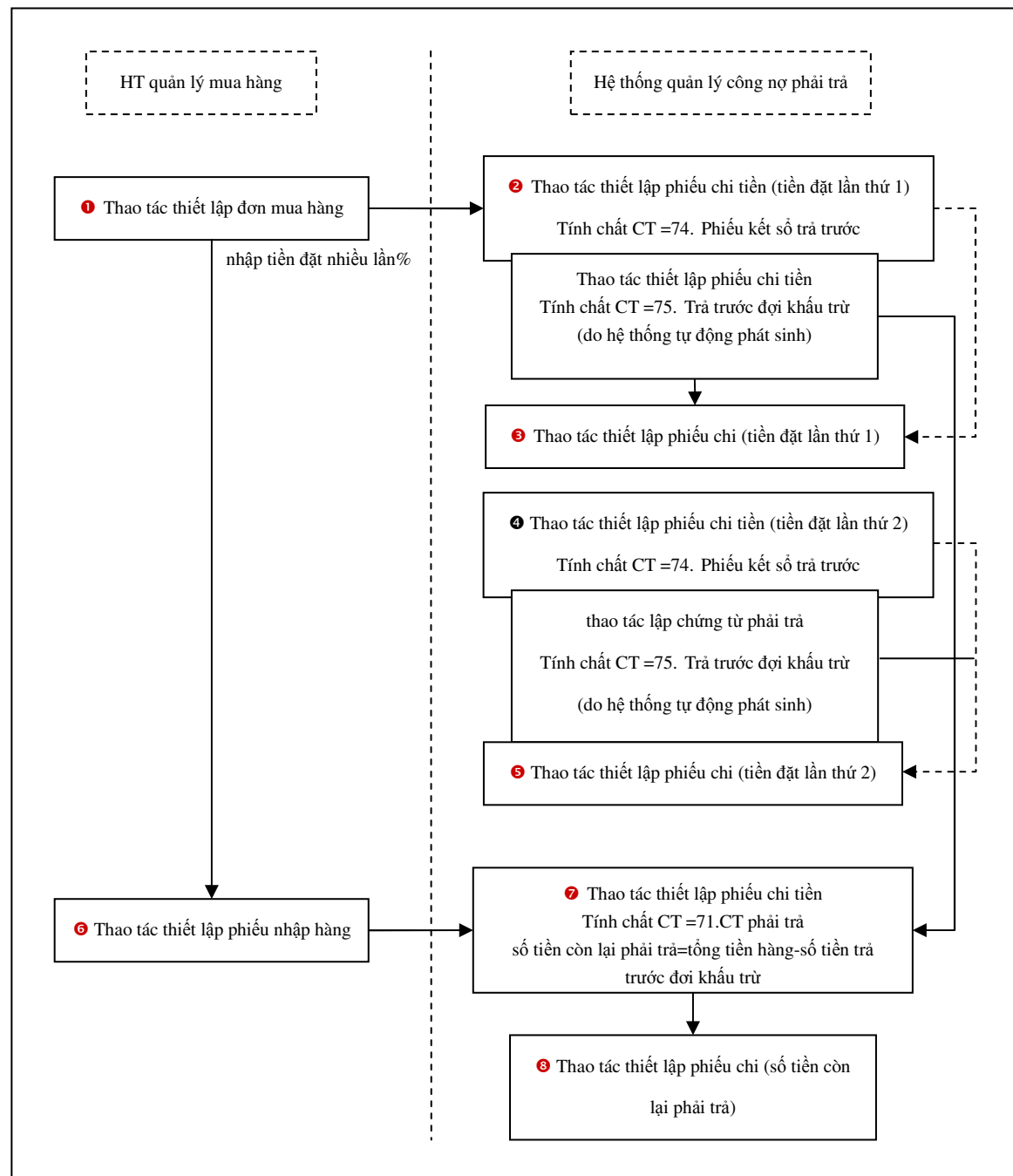
4. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ và chọn “Mã phiếu chi tiền” được thiết lập trong bước trước, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ liệu khác, không cần nhập bằng tay.
5. Nhập dữ liệu hàng thứ hai trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “C.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.Chứng từ phải trả”.
6. Cột “số tiền nguyên tệ” được nhập giống như ở hàng thứ nhất.
7. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, kiểm tra xem dữ liệu ở cột “Nội/ngoại tệ” đã được cập nhật trong “phiếu kết sổ trả trước hay chưa”
8. Tiếp theo đưa cho nhân viên thu chi mở phiếu.

Bài tập 6:

Đối với “chứng từ phải trả” được phát sinh trong bài tập 5, hãy nhập “Chứng từ thanh toán” để ghi nhận khoản tiền trả bằng chi phiếu cho NCC.

e. Quy trình trả trước (trả trước nhiều lần-ghi nhận trong dữ liệu hóa đơn)

1. Giải thích quy trình



2.VD mẫu và thuyết minh trọng điểm

♦ Vị trí thao tác:

HT quản lý mua hàng \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập đơn mua hàng
HT quản lý mua hàng \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu nhập hàng

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi tiền

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi

- ♦ Giải thích ví dụ: nhà cung cấp “1017 Yang ming Co., Ltd.” yêu cầu công ty trả tiền đặt cọc của đơn đặt hàng làm 2 lần: lần thứ 1 trả 15%, lần thứ 2 trả 25% , sau khi nhận được yêu cầu của NCC, bộ phận tài chính sẽ tiến hành các bước thanh toán tiếp theo.

Đơn mua hàng như sau:

The screenshot shows a software window titled "Thao tác thiết lập đơn mua hàng(PUR107)[Success]". It contains several input fields and a table. Red boxes and numbers 1-4 highlight specific areas:

- 1. Order number field (Mã đơn mua: 080802001)
- 2. Item table (highlighting the first row)
- 3. "Đặt cọc theo đợt" (Settlement by installment) checkbox
- 4. A toolbar icon

STT	Nguồn	Kiểu	Mã SP	Tên SP	Quy cách	SL mua	ĐG mua	Số tiền mua	Ngày dự kiến giao
0001	9 Khác	2.Mã SP chính thức	INV1010	Backrest	color:black size:124	5,000	10	50,000	2008/08/30

Summary fields at the bottom:

- Số tiền mua: 50,000
- Mức thuế: 2,500
- Tổng số tiền: 52,500
- Tổng SL: 5,000

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Mã đơn mua hàng là “33A-080802001”.
2. Mã sản phẩm mua như hình trên, tổng số tiền \$50000 (không bao gồm thuế), ngày dự định thanh toán là ngày 31 tháng này.
3. Chọn “Đặt cọc theo đợt”
4. Nhập tỷ lệ tiền đặt lần thứ nhất là 15% và tỷ lệ tiền đặt cọc lần thứ 2 là 25%.

Trả tiền đặt cọc lần thứ nhất cho NCC bằng chi phiếu, bộ phận tài chính sẽ nhập dữ liệu như hình dưới đây:

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhấp “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “74. Phiếu kết sổ trả trước” được thiết lập trước trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “ngày tháng chứng từ”.
3. Nhập mã “NCC”.
4. Nhập mã số hóa đơn NCC vào “mã số hóa đơn” của “TAB: dữ liệu hóa đơn”.
5. Trong cột “nguồn” chọn “M. đặt cọc theo đợt”, trong cột “loại chứng từ” bấm F2 mở cửa sổ chọn mã số đơn mua hàng cần trả tiền đặt cọc, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ liệu khác, như: ngày tháng chứng từ, số tiền (số tiền ban đầu trong đơn mua hàng × tỷ lệ tiền đặt cọc) v.v.

6. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau đó hệ thống sẽ tự phát sinh “Phiếu trả trước đợt khấu trừ”, sau khi bút toán, mã Phiếu trả trước đợt khấu trừ này sẽ được cập nhật lại trong phần “ghi chú” của thân đơn của Phiếu kết sổ trả trước. Đơn chiết khấu này như hình sau:

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACPI02)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Loại CT: 750 Prepaid For Office NCC: 1017 Yang ming Ngày CT: 2008/08/02
Mã CT: 080802001 PS bút toán Mã đóng băng Xác nhận: DS
Ngày CT: 2008/08/02 T.Thái duyệt: N.Không thực thi EasyFlow 系統管理者
T.Thái chuyển EBO: Không cần chuyển

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Xuong: 001 Taipei OK T.Toán: Gui: 0
Tiền tệ: NTD Ngày thanh toán dự tính: 2008/08/02 Lấy ngày CK thanh toán: / / In: 0
Tỷ giá: 1 Ngày thực hiện vốn: / / Lấy ngày CK đối tiền mặt: / / Kết số: N
Ghi chú: 740-080802001 Tỷ lệ CK: 0.00%

SIT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT tiền đặt cọc	Ngày CT	TK	Tên TK	Bộ phận CP
0001	9.Khác	740	080802001	0001		2008/08/02	1256	Advance Payments	

số tiền nguyên tệ lập số: 7,500 Số tiền nội tệ lập số: 7,500
Thuế lập số(nguyên tệ): 375 Thuế lập số(nội tệ): 375
Số tiền nguyên tệ tra trước: 7,875 Số tiền nội tệ tra trước: 7,875
Số tiền nguyên tệ đã bù trừ: 0 Thuế đã bù trừ(nguyên tệ): 0

Browse Số mẫu DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

SIT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Ng tệ)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế(nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án	Ghi chú
0001	7,500	7,500	375	7,500	375	0		

Bài tập 7:

Theo vị trí đường dẫn “hệ thống quản lý mua hàng \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác thiết lập đơn mua hàng” thực hiện tra cứu 1 đơn mua hàng, công ty dự định ngày 1 tháng này sẽ đặt hàng của NCC “1016 Time Co., Ltd.”, “tỷ lệ tiền đặt cọc” là: lần thứ nhất 20%, lần thứ hai 25%, mã sản phẩm là “INV1001” tên hàng là “Footpad SL”, số lượng 5000, đơn giá \$3, số tiền 15000, ngày dự định giao hàng là ngày 16 tháng này. Giả sử bạn là nhân viên tài vụ phụ trách chi tiền đặt cọc, xin nhập dữ liệu trả tiền đặt lần thứ nhất vào “thao tác thiết lập chứng từ phải trả”, nhập xong lưu lại rồi CONFIRM, sau đó kiểm tra xem hệ thống có tự động phát sinh “phiếu trả trước đợt khấu trừ hay không”

Thao tác thiết lập phiếu chi (trả tiền đặt cọc lần thứ nhất)

Chi tiết | Xem DL

Loại phiếu chi: 732 | Tiền tệ: NTD | PS bút toán: ☐ | In: 0 | Số lần gửi: 0

Mã phiếu chi: 080802001 | T. Thái duyệt: N:Không thực thi EasyFlow | **CONFIRM**

Ngày CT: 2008/08/02 | Mã phiếu thu tiền: | Mã KH: |

Mã NCC: 1017 | Yang ming | ☐ Cân đối TK phiếu thu tiền

Xuong: 001 | Ngày tháng thanh toán: 2008/08/02

Taipei | Xác nhận: DS | 系統管理者

Ghi chú: | T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

STT	Nợ/Có	Loại	Loại CT nguồn	Mã CT nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
0001	D.Nợ	4: đối ứng	740	080802001	2143-0000	Accounts Payable			NTD
0002	C.Có	2:CT phải trả			2141-0000	Notes Payable			NTD

TC	Bên Nợ (nguyên tệ)	Bên Nợ (nội tệ)
	7,875	7,875
	7,875	7,875
	0	0

Browse | Số môn DL nội dung: 2 | 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền lập sổ	Số dư lập sổ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Mã hóa đơn	Đáo hạn	Mã CT tham khảo	Mã ngân hàng
0001	7,875	7,875	7,875	7,875	TQ14657010	2008/08/02		
0002	0	0	7,875	7,875		2008/11/02	BS7799005	1102-1007

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhấp “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.Chứng từ thanh toán” được thiết lập trước trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “Mã NCC”.
3. Nhập dữ liệu hàng thứ nhất trong phần thân đơn, ở cột “Nợ/Có” chọn “D.Nợ”, trong cột “Loại” chọn “4.đối ứng”.
4. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ và chọn “Mã số phiếu kết sổ trả trước” được thiết lập trong thao tác trước, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ liệu khác, không cần nhập bằng tay.
5. Nhập dữ liệu hàng thứ hai trong phần thân đơn, ở cột “Nợ/Có” chọn “C.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.Chứng từ phải trả”.
6. Cột “số tiền nguyên tệ” nhập giống như ở hàng thứ nhất
7. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, kiểm tra xem dữ liệu ở cột “Nội/ngoại tệ” đã được cập nhật trong “phiếu kết sổ trả trước” hay chưa. Tiếp theo thì đưa cho nhân viên thu chi mở phiếu.

Bài tập 8:

Giả sử bạn là nhân viên bộ phận tài chính phụ trách thanh toán tiền đặt cọc lần thứ nhất là

20%, hãy nhập dữ liệu thanh toán lần này vào “thao tác thiết lập phiếu chi”.

Thanh toán tiền đặt lần thứ hai cho NCC bằng chi phiếu, đơn vị tài vụ nhập dữ liệu trong “thao tác thiết lập phiếu chi tiền” như hình dưới đây:

♦ Giải thích các điểm quan trọng :

1. Nhấp “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “74. Phiếu kết sổ trả trước” được thiết lập trước trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “Ngày CT”.
3. Nhập mã số “NCC”.
4. Nhập mã số hóa đơn NCC vào “mã số hóa đơn” của “trang: dữ liệu hóa đơn”.
5. Ở cột “nguồn” chọn “M. đặt cọc theo đợt”, trong cột “loại chứng từ” bấm F2 mở cửa sổ chọn mã số đơn mua hàng cần thanh toán tiền đặt cọc, hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ liệu khác, như: ngày tháng chứng từ, số tiền (số tiền ban đầu trong đơn mua hàng) × tỷ lệ đặt cọc) v.v.

6. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau đó hệ thống sẽ tự phát sinh “Phiếu trả trước nợ khấu trừ”, sau khi bút toán, mã Phiếu trả trước nợ khấu trừ này sẽ được cập nhật lại trong phần “ghi chú” của phần thân đơn Phiếu kết sổ trả trước. Phiếu trả trước nợ khấu trừ này có nội dung như hình sau:

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACPI02)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Loại CT 750 Prepaid For Offs NCC 1017 Yang ming Ngày CT 2008/08/09 CONFIRM
Mã CT 080809001 PS bút toán Mã đồng bằng Xác nhận DS
Ngày CT 2008/08/09 T.Thái duyệt N:Không thực thi EasyFlow 系統管理者
T.thái chuyển EBO Không cần chuyển

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Xuong 001 Taipei ĐK T.Toán
Tiền tệ NTD Ngày thanh toán dự tính 2008/08/09 Lấy ngày CK thanh toán / /
Ty giá 1 Ngày thực hiện vốn / / Lấy ngày CK đối tiền mặt / /
Ghi chú 740-080809001 Ty lệ CK 0.00%
Gui 0 In 0 Kết số N

STT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT tiền đặt cọc	Ngày CT	TK	Tên TK	Bộ phận CP
0001	9:Khác	740	080809001	0001		2008/08/09	1256	Advance Payments	

số tiền nguyên tệ lập số 12,500 Số tiền nội tệ lập số 12,500
Thuế lập số(nguyên tệ) 625 Thuế lập số(nội tệ) 625
Số tiền nguyên tệ tra trước 13,125 Số tiền nội tệ tra trước 13,125
Số tiền nguyên tệ đã bù trừ 0 Thuế đã bù trừ(nguyên tệ) 0

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Ngte)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế(nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án	Ghi chú
0001	12,500	12,500	625	12,500	625	0		

Luyện tập 9:

Giả sử bạn là nhân viên tài vụ phụ trách thanh toán các khoản chi, hãy nhập dữ liệu thanh toán tiền đặt cọc lần thứ hai vào “thao tác thiết lập phiếu chi tiền”, sau khi CONFIRM kiểm tra xem hệ thống có tự động phát sinh “phiếu trả trước nợ khấu trừ” tương ứng hay không.

Thao tác thiết lập phiếu chi (thanh toán tiền đặt cọc lần thứ hai).

Thao tác thiết lập phiếu chi (ACPI03)

DL (D) Tác dụng (F); Thoát (X)

Chi tiết | Xem DL

Loại phiếu chi: 732 (1)

Payment Order A

Mã phiếu chi: 080809001

Ngày CT: 2008/08/09

Mã NCC: 1017 (2)

Yang ming

Xuong: 001

Taipei

Ghi chú:

Tiền tệ: NTD

In: 0

Số lần gửi: 8 (3)

T. Thái duyệt: N: Không thực thi EasyFlow

Mã phiếu thu tiền:

Mã KH:

Cán đối TK phiếu thu tiền

Ngày tháng thanh toán: 2008/08/09

Xác nhận: DS | 系統管理者

T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

STT	Nợ/Có	Loại	Loại CT nguồn	Mã CT nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
0001	D.Nợ	4.đổi ứng (3)	740 (4)	080809001	2143-0000	Accounts Payable			NTD
0002	C.Có	2:CT phải trả			2141-0000	Notes Payable			NTD

TC

Bên Nợ (nguyên tệ): 13,125

Bên Nợ (nội tệ): 13,125

Số tiền bên Có: 13,125

Số tiền bên Có: 13,125

Mức chênh lệch: 0

Mức chênh lệch: 0

Browse | Số mẫu DL nội dung: 2 | 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền lập số	Số dư lập số	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Mã hóa đơn	Đáo hạn	Mã CT tham khảo	Mã ngân hàng
0001	13,125	13,125	13,125	13,125	TQ14657090	2008/08/09		
0002	0	0 (6)	13,125	13,125		2008/08/09 (8)	BS7799006	1102-1007

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhấp “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.Chứng từ thanh toán” được thiết lập trước trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.(có thể phân biệt với phiếu chi thông thường).
2. Nhập “Mã NCC”.
3. Nhập dữ liệu hàng thứ nhất trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Nợ”, trong cột “Loại” chọn “4.đối ứng”.
4. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ và chọn “Mã số phiếu kết sổ trả trước” đã được thiết lập trong thao tác trước, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ liệu khác, không cần nhập bằng tay.
5. Nhập dữ liệu hàng thứ hai trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “C.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.Chứng từ phải trả”.
6. Cột “số tiền nguyên tệ” nhập giống như ở hàng thứ nhất
7. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, vào “Phiếu kết sổ trả trước” tìm cột Số tiền Nội/Ngoại tệ đã trả ở phần cuối đơn đã được cập nhật lại chưa.
8. Tiếp theo thì đưa cho nhân viên thu chi mở phiếu.

Bài tập10:

Ở bài tập 9, ta đã lập dữ liệu trong “thao tác thiết lập phiếu chi tiền”, bây giờ hãy vào

“thao tác thiết lập phiếu chi” để tiến hành thanh toán
Tiếp theo, ta tiến hành nhập hàng

Thao tác thiết lập phiếu nhập hàng(PUR109)[測試資料庫]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Phiếu nhập hàng 34E 進貨(結帳) Mã bảo thuế 0.Theo mã SP mặc định Ngày CT 24/06/2009 Ngày nhập hàng 24/06/2009 T. thái chuyển EBO Không cần chuyển

Mã nhập hàng 0090624001 NCC 1017 揚名公司 Mã thông báo N Không thông báo

DL GD DL hóa đơn DL tiền đặt cọc/EBC Xem DL

Loại 1 Mua hàng Mã CT nguồn 33A 090602001 Mã phiếu trả trước 20,000 Thuế khấu trừ 1,000 Đơn thông báo xuất hàng EBC Phiên bản thông báo xuất hàng EBC Gui đến EBC

STT	Kiểu	Mã SP	Tên SP	Quy cách	SL nhập hàng	ĐV	SL nghiệm thu	Giá mua ĐV	Số tiền mua (nguyên tệ)
0001	2 Mã SP chính thức	INV1010	青板	合板124	5,000	PCS	5,000	10	50,000

Ng. tệ Số tiền mua hàng 50,000 Nội tệ CP mua hàng 0 Tổng SL 5,000

Số tiền khấu trừ 0 Số tiền hàng 25,000,000

Số tiền hàng 50,000 Mức thuế 1,250,000

Mức thuế 2,500 Tổng số tiền 26,250,000

Tổng số tiền 52,500 Khấu trừ vốn tự góp 0 Tổng SL đóng gói 0

Khấu trừ vốn tự góp 0

Browse Số dòng dữ liệu nội dung: 1 INV1010 青板 127.0.0.1 - 211

thích các điểm quan trọng:

9. Nhấp “Sao chép chứng từ trước” trên thanh công cụ để sao chép dữ liệu từ Đơn mua hàng vào Phiếu nhập hàng (Tính chất chứng từ của phiếu nhập hàng này là “Tự động xác nhận” và “Kết sổ trực tiếp”), sau đó hệ thống sẽ tự động thời đưa ra “Mã phiếu trả trước” và “chiết khấu số tiền/thuế suất” tương ứng.
10. Phần thân đơn sẽ liệt kê chi tiết về số lượng và số tiền của lần nhập hàng này.
11. Sau đó Bộ phận quản lý kho sẽ kiểm tra chất lượng sản phẩm để tiến hành nhập kho, rồi CONFIRM, hệ thống sẽ tự động phát sinh một chứng từ phải trả, như hình sau: “Chứng từ phiếu chi tiền” do hệ thống tự động phát sinh:

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACPI02)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Loại CT **71A** NCC **1017** Yang ming Ngày CT **2008/08/30** **CONFIRM**
Mã CT **080830002** PS bút toán Mã đồng bằng Xác nhận **DS**
Ngày CT **2008/08/30** T.Thái duyệt **N:Không thực thi EasyFlow** 系統管理者
T.thái chuyển EBO **Không cần chuyển**

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Xuong **001** Taipei OK T.Toán **ITT** Telegraphic transfer
Tiền tệ **NTD** Ngày thanh toán dự tính **2008/08/30** Lấy ngày CK thanh toán **2008/08/30**
Ty giá **1** Ngày thực hiện vốn **2008/08/30** Lấy ngày CK đối tiền mặt **2008/08/30** Kết số **N**
Ghi chú Ty lệ CK **0.00%**

SIT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	SIT CT	SIT tiền đặt cọc	Ngày CT	TK	Tên TK	Bộ phận CP
0001	1:Nhập hàng	34E	080830001			2008/08/30			
0002	A:Tra trước đại khấu trừ	750	080802001			2008/08/02	1256	Advance Payments	
0003	A:Tra trước đại khấu trừ	750	080809001			2008/08/02	1256	Advance Payments	

Số tiền nguyên tệ phải trả **30,000** Số tiền nội tệ phải trả **30,000**
Thuế(nguyên tệ) **1,500** Thuế(nội tệ) **1,500**
Tổng số nguyên tệ phải trả **31,500** Tổng số nội tệ phải trả **31,500**
Số tiền nguyên tệ đã trả **0** Đã trả (nội tệ) **0**

Browse Số môn DL nội dung: 3 127.0.0.1 - 211

SIT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Ngte)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế(nội tệ)	Thu (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án	Ghi chú
0001	50,000	50,000	2,500	50,000	2,500	0		
0002	-7,500	-7,500	-375	-7,500	-375	0		
0003	-12,500	-12,500	-625	-12,500	-625	0		

DL CT DL hóa đơn DL khác Xem DL

Mã số thuế **P04** Triplicate Uniform Invoice
Loại thuế **2:Không có thuế** Mã số thuế **97167315** G.chú thuế lá/hoàng
Số liên **2** Loại khấu trừ **1:Được khấu trừ nhập hàng và CP** Ngày phiếu CK **/ /**
Ngày **2008/08/30** Tháng khai báo **2008/08** Thuế suất **5.00%** Số tiền có thuế **30,000**
Mã hóa đơn **TQ14657150** Mức thuế Hơ **1,500**
Tiền hóa đơn **31,500**

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Tính chất “Chứng từ phiếu chi tiền” do hệ thống tự động phát sinh sẽ được thiết lập trong “thao tác thiết lập tính chất chứng từ” mục “kết sổ trực tiếp” (“tính chất chứng từ” của loại đơn này là “71:chứng từ phiếu chi tiền”).
2. Dữ liệu thứ nhất trong phần thân đơn là “đơn nhập hàng”, dữ liệu thứ hai là “phiếu trả trước đại khấu trừ” do hệ thống tự động phát sinh khi xác nhận phiếu kết sổ trả trước.
3. “Số tiền nhập hàng” là số dương, chứng tỏ khoản tiền phải trả tăng thêm, “số tiền chiết khấu phải trả” là số âm, chứng tỏ khoản tiền phải trả giảm.
4. Mục “tổng số tiền nguyên tệ phải trả” & “tổng số tiền nội tệ phải trả” ở phần cuối đơn thể hiện số tiền còn lại phải thanh toán.
5. Có thể nhấp chọn biểu tượng “chỉnh sửa dữ liệu hóa đơn thanh toán” trên thanh công cụ để bổ sung dữ liệu hóa đơn.

Bài tập 11:

Giả sử bạn là nhân viên quản lý kho, hãy vào “hệ thống quản lý mua hàng \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác lập đơn nhập hàng” tạo 1 đơn nhập hàng “34E nhập hàng (thuộc loại tự động kết sổ)” bằng cách sử dụng chức năng “sao chép chứng từ trước” (chọn nguồn sao chép là “đơn mua hàng” của ngày 2 tháng này, NCC “1016 Time Co., Ltd”), sau khi nhập lưu lại rồi CONFIRM. Sau đó vào “hệ thống quản lý công nợ phải trả \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác lập chứng từ phải trả” để tìm và kiểm tra xem hệ thống có tự động phát sinh “phiếu chi tiền” tương ứng với “đơn mua hàng vừa tạo” hay không.

Thanh toán tiền cho NCC theo ngày dự định thanh toán:

Thao tác thiết lập phiếu chi (ACPI03) [Success]

DL (D) Tác dụng (F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại phiếu chi: 730 **1**

Payment Order

Mã phiếu chi: 080830001

Ngày CT: 2008/08/30

Mã NCC: 1017 **2**

Yang ming

Xuong: 001

Taipei

Ghi chú:

Tiền tệ: NTD

In: 0

Số lần gửi: 0

T. Thái duyệt: N: Không thực thi EasyFlow

Mã phiếu thu tiền:

Mã KH:

Cân đối TK phiếu thu tiền

Ngày tháng thanh toán: 2008/08/30

Xác nhận: DS 系統管理者

T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

STT	Nợ/Có	Loại	Loại CT nguồn	Mã CT nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
0001	D. Nợ	4: đối ứng	71A	080830002	2143-0000	Accounts Payable			NTD
0002	C. Có	2: CT phải trả			2141-0000	Notes Payable			NTD

5

TC

Bên Nợ (nguyên tệ): 31,500

Bên Nợ (nội tệ): 31,500

Số tiền bên Có: 31,500

Số tiền bên Có: 31,500

Mức chênh lệch: 0

Mức chênh lệch: 0

Browse Số mẫu DL nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền lập sổ	Số dư lập sổ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Mã hóa đơn	Đáo hạn	Mã CT tham khảo	Mã ngân hàng
0001	31,500	31,500	31,500	31,500	TQ14657150	2008/08/30		
0002	0	0	31,500	31,500		2008/08/30	BS7799007	1102-1007

6 **8**

♦ Giải thích các điểm quan trọng :

1. Nhập “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73. Chứng từ thanh toán” được thiết lập trước trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “Mã NCC”.
3. Nhập dữ liệu trong hàng thứ nhất vào phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D. Nợ”, trong cột “Loại” chọn “4. đối ứng”.
4. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ và chọn “Mã số phiếu kết sổ trước” đã được thiết lập trong thao tác trước, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ

liệu khác, không cần nhập bằng tay.

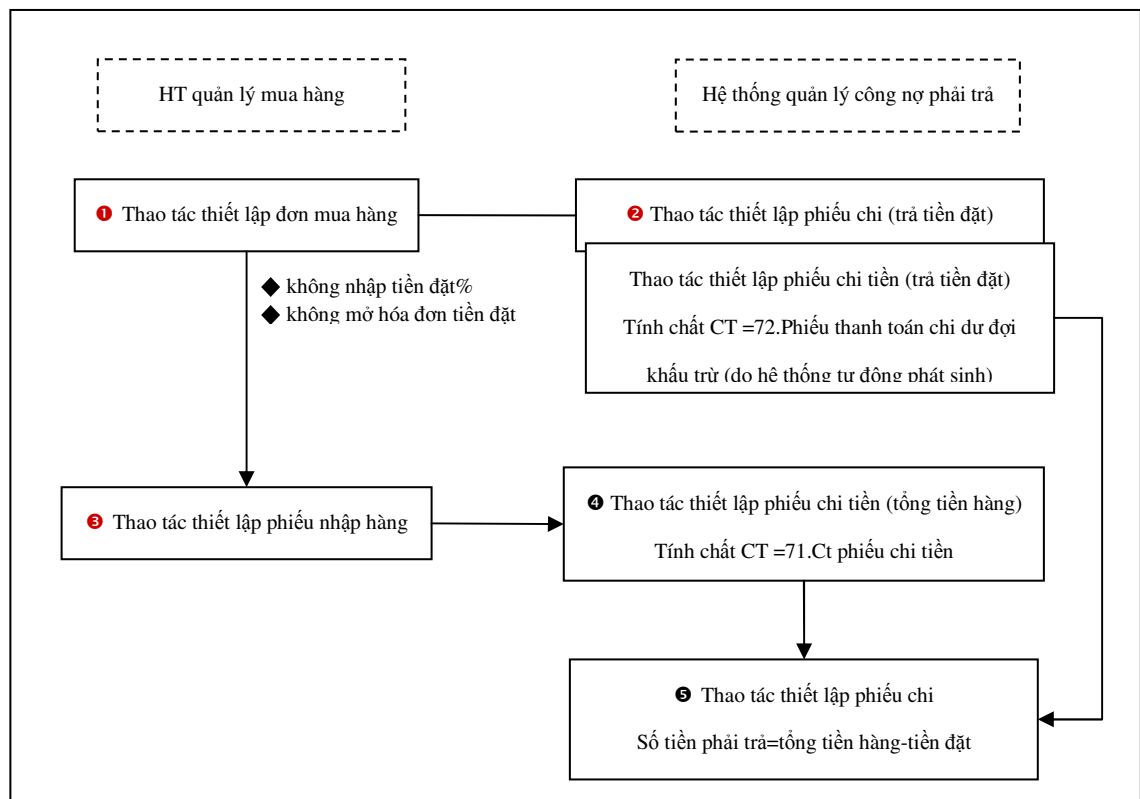
5. Nhập dữ liệu hàng thứ hai vào phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “C.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.Chứng từ phải trả”.
6. Cột “số tiền nguyên tệ” nhập giống như ở hàng thứ nhất
7. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, vào “Phiếu kết sổ trả trước” tìm cột Số tiền Nội/Ngoại tệ đã trả ở phần cuối đơn đã được cập nhật lại chưa.
8. Tiếp theo đưa cho nhân viên thu chi mở phiếu.

Bài tập 12:

Đối với “chứng từ phải trả” do bài tập 11 phát sinh, hãy nhập một “phiếu chi” để trả tiền cho NCC.

f. Quy trình trả trước (không mở hóa đơn)

1. Giải thích quy trình



Ghi chú: xin tham khảo bài “hệ thống quản lý công nợ phải trả \bài thao tác trả trước của hệ thống phải trả”.

2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

♦ Vị trí thao tác:

HT quản lý mua hàng \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập đơn mua hàng
HT quản lý mua hàng \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu nhập hàng

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi tiền

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi

- ♦ Giải thích ví dụ: thanh toán trả trước tiền đặt cọc \$31500 cho NCC “1013 Life forever Co., Ltd.”, không mở hóa đơn, và hẹn ước lập khoản tại ngày kiểm nhận nhập hàng và 2 tháng sau nhằm ngày 5 chi trả tiền cuối. Đơn vị mua hàng thông báo cho đơn vị tài vụ xử lý trình tự khoản vụ tiếp theo.

Đơn mua hàng này như sau:

Thao tác thiết lập đơn mua hàng (PUR107) [Success]

DL (D) Tác dụng (F) Thoát (X)

Loại đơn mua: 33A P/O Document Ngày CT: 2008/08/02 Trạng thái chuyển: N: Chưa chuyển CONFIRM

Mã đơn mua: 080802002 NCC: 1013 Life forever Ngày mua: 2008/08/02

Mã quy trình: P. ban: 0000 Xác nhận: DS 系統管理者

T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

DL GD (1) DL GD (2) Mục đích đa phương Xem DL

Mã xương: 001 Taipei Dạng in: 1: Tiếng Hoa T. Thái duyệt: N: Không thực thi EasyFlow

NV mua: 401 Judy PT v. chuyển: Đặt cọc theo đợt TL đặt cọc: 0

Tiền GD: MTD Ty giá: 1 Loại thuế: 2: Không có thuế Thuế suất: 5.00%

Mã số thuế: P04 Triplicate Uniform Invoice In: 0 Số lần gửi: 0

Ghi chú: Xác nhận EBC Mã đơn mua EBC Phiên bản mua EBC Gửi đến EBC

SIT	Nguồn	Kiểu	Mã SP	Tên SP	Quy cách	SL mua	ĐG mua	Số tiền mua	Ngày dự kiến giao
0001	9 Khác	2 Mã SP chính thức	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	5,000	20	100,000	2008/08/15

Số tiền mua: 100,000 Mức thuế: 5,000 Tổng số tiền: 105,000

Tổng SL: 5,000

Browse Số môn DL nội dung: 1 INV1007 Armrest O 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích các điểm quan trọng :

1. Mã số đơn mua hàng là “33A-080802002”.
2. Mã SP mua là “INV1007 Armrest O”, số lượng 5000, đơn giá \$20 (không bao gồm thuế), số tiền \$100000 (không bao gồm thuế), ngày giao hàng: ngày 15 tháng này.
3. Không cần nhập “tỷ lệ đặt cọc”.

Đơn vị tài vụ nhập dữ liệu thanh toán tiền đặt cọc trong “Thao tác thiết lập phiếu chi”:

Thao tác thiết lập phiếu chi(ACPI03)[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại phiếu chi: 731 (1)

Mã phiếu chi: 080802001

Ngày CT: 2008/08/02

Mã NCC: 1013 (2)

Xuống: 001

Taipei

Ghi chú:

Tiền tệ: NTD

In: 0

Số lần gửi: 0

T. Thái duyệt: N:Không thực thi EasyFlow

Mã phiếu thu tiền:

Mã KH:

Cán đối TK phiếu thu tiền

Ngày tháng thanh toán: 2008/08/02

Xác nhận: DS 系統管理者

T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

STT	Nợ/Có	Loại	Loại C	nguồn	Mã C	nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
0001	D.Nợ	5:Trả dư	720		080802	001	1256	Advance Payments			NTD
0002	C.Có	2:CT phải trả					2141-0000	Notes Payable			NTD

TC

Bên Nợ (nguyên tệ): 31,500

Bên Nợ (nội tệ): 31,500

Số tiền bên Có: 31,500

Số tiền bên Có: 31,500

Mức chênh lệch: 0

Mức chênh lệch: 0

Browse Số mẫu DL nội dung: 2

127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền lập số	Số dư	áp số	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Mã hóa đơn	Đáo hạn	Mã CT tham khảo	Mã ngân hàng
0001	0	0	0	31,500	31,500		2008/08/02	BS7799008	1102-1007
0002	0	0	0	31,500	31,500				

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhập “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.Chứng từ thanh toán” được thiết lập trước trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.(khác với phiếu thanh toán bình thường).
2. Nhập “Mã NCC”.
3. Nhập dữ liệu hàng thứ nhất trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Nợ”, trong cột “Loại” chọn “5.trả dư”.
4. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ và chọn “Loại đơn trả dư” (Tính chất CT là “72.Phiếu thanh toán chi dư đợi khấu trừ”).
5. Tiếp theo trong cột “số tiền nguyên tệ” nhập số tiền đặt cọc có thể chiết khấu.
6. Nhập dữ liệu hàng thứ hai vào phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “C.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.Chứng từ phải trả”.
7. Cột “số tiền nguyên tệ” nhập giống như ở hàng thứ nhất
8. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, vào “Phiếu kết sổ trả trước” tìm cột Số tiền Nội/Ngoại tệ đã trả ở phần cuối đơn đã được cập nhật lại chưa.
9. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau đó hệ thống sẽ tự động phát sinh một “CT trả dư đợi khấu trừ”, chúng ta có thể vào “Thao tác thiết lập phiếu chi tiền” để kiểm tra

lại.

“CT trả dư nợ khấu trừ” do hệ thống tự động phát sinh:

The screenshot shows a software window titled "Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACPI02)(Success)". It contains several input fields and a summary table. Red boxes and numbers highlight specific areas:

- Box 1:** Points to the "Loại CT" (Bill Type) field with value "720" and the "Mã CT" (Bill Code) field with value "080802001".
- Box 2:** Points to the first row of the summary table, which contains the following data: STT (0001), Nguồn (9:Khác), Loại CT (731), Mã CT (080802001), STT CT (0001), STT tiền đặt cọc, Ngày CT (2008/08/02), TK (1256), Tên TK (Advance Payments), and Bộ phận CP.

The summary table at the bottom of the window is as follows:

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (NĐt)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế (NĐt)	Thuế (NĐt)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án	Ghi chú
0001	31,500	31,500	0	31,500	0	0		

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. “CT trả dư nợ khấu trừ” do hệ thống tự động phát sinh có “TC chứng từ” là “72. Phiếu trả trước khấu trừ”.
2. “Loại đơn chứng từ, mã CT, STT” trong phần thân đơn do chứng từ trả dư vừa tạo cập nhật qua

Luyện tập 13:

Tìm 1 đơn mua hàng trong “hệ thống quản lý mua hàng \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác lập đơn mua hàng”, công ty đặt đơn mua hàng với nhà máy “1014 May Life Co., Ltd” vào ngày 2 tháng này, mã SP là “INV1002 Chair mounting”, số lượng 1000, đơn giá \$62, số tiền :\$62000, ngày thanh toán ngày 22 tháng này. Giả sử bạn là nhân viên tài vụ phụ trách thanh toán các khoản phải trả, trả tiền đặt cọc \$19530, không mở hóa đơn, hãy nhập dữ liệu thanh toán tiền đặt cọc này trong “thao tác thiết lập phiếu chi”, sau khi nhập xong thì xác nhận chứng từ, và kiểm tra xem hệ thống có tự động phát sinh “CT trả trước nợ khấu trừ”

Bước tiếp theo: nhập hàng thực tế:

GP Thao tác thiết lập phiếu nhập hàng(PUR109)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Loại phiếu 34E Goods Rec. Order C Mã bảo thuế 0.Theo mã SP mặc định
Mã phiếu 080815001 Ngày CT 2008/08/15
NCC 1013 Life forever Ngày nhập 2008/08/15
T. thái chuyển EBO Không cần chuyển

DL GD DL hóa đơn DL tiền đặt cọc/EBC Xem DL

Xuống 001 Taipei Số kiện 0
Mã CT NCC In 0 Số lần gửi 0
Tiền tệ NTD Tỷ giá 1 T. Thái duyệt N Không thực thi EasyFlow
ĐK T. Toán 1M1 O/A next month, check 2 months Ghi chú
ĐK GD 1 一般交易 Số tay hai quan

STT	Kiểu	Mã SP	Tên SP	Quy cách	SL mua	ĐV	SL nghiệm thu	Giá mua ĐV	Số tiền mua (nguyên tệ)
0001	2. Mã SP chính thức	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	5,000	PCS	5,000	20	100,000

Ng. tệ Số tiền mua 100,000 Nội tệ CP mua hàng 0 Tổng SL 5,000
Số tiền khấu trừ 0 Số tiền hàng 100,000
Số tiền hàng 100,000 Mức thuế 5,000
Mức thuế 5,000 Tổng số tiền 105,000
Tổng số tiền 105,000 Khấu trừ vốn tự góp 0
Khấu trừ vốn tự góp 0

Browse Số môn DL nội dung: 1 INV1007 Armrest O 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhập một đơn nhập hàng (“đơn nhập hàng” này có tính chất chứng từ là “tự động xác nhận” và “trực tiếp kết sổ”) bằng cách sử dụng chức năng “sao chép chứng từ trước”(đơn mua hàng). Hệ thống sẽ tự đưa ra dữ liệu về “SL mua” và “số tiền mua” vào phần thân đơn.
2. Sau khi nhân viên quản lý kho kiểm tra chất lượng sản phẩm, tiến hành nhập hàng và CONFIRM đơn nhập hàng, hệ thống sẽ tự động phát sinh chứng từ phải trả như hình sau:

Chứng từ phải trả do hệ thống tự động phát sinh:

The screenshot shows a software window titled "Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACP102)[Success]". It contains various input fields for invoice information, a table of invoice items, and a summary section at the bottom.

Red Box 1: Points to the "Loại CT" (Invoice Type) field, which is set to "71A".

Red Box 2: Points to the "STT" (Serial Number) field in the invoice item table, which is set to "0001".

Red Box 3: Points to the "Mã hóa đơn" (Invoice Code) field, which is set to "PY90144561".

Summary Table:

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Ngã)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế (nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án	Ghi chú
0001	100,000	100,000	5,000	100,000	5,000	0		

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. “Chứng từ phải trả” do hệ thống tự động phát sinh là do “đơn nhập hàng” được thiết lập trong “thao tác thiết lập tính chất chứng từ” là trực tiếp kết sổ (“tính chất chứng từ” của loại đơn này là “71:chứng từ phiếu chi tiền”).
2. Dữ liệu thân đơn là dữ liệu của “đơn nhập hàng”, ta thấy “số tiền nhập hàng” là số dương, chứng tỏ khoản tiền phải trả tăng thêm.
3. Có thể sử dụng chức năng “chỉnh sửa dữ liệu hóa đơn thanh toán” trên thanh công cụ để bổ sung dữ liệu hóa đơn.

Bài tập 14:

Trong “hệ thống quản lý mua hàng \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác nghiệm thu phiếu nhập hàng” tìm lại đơn mua hàng của bài tập 13, “MS NCC” là “1014 May Life Co., Ltd.”, công ty xuất hàng tại ngày 22 tháng này, mã số là “INV1002 Chair mounting”, số lượng 1000, đơn giá \$62, kim ngạch \$62000, giả sử bạn là nhân viên quản lý kho, đợt hàng này toàn bộ hợp lệ, xin bạn “xác nhận” kết quả kiểm nghiệm, và kiểm tra chứng từ phải trả do hệ thống tự động phát sinh.

Thanh toán số tiền còn lại

Thao tác thiết lập phiếu chi(ACPI03)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại phiếu chi: **730** (1)

Payment Order

Mã phiếu chi: 080901001

Ngày CT: 2008/09/01

Mã NCC: **1013** (2)

Life forever

Xuong: 001

Taipei

Ghi chú:

Tiền tệ: NTD

In: 0

Số lần gửi: 0

T. Thái duyệt: N:Không thực thi EasyFlow

Mã phiếu thu tiền:

Mã KH:

Cán đối TK phiếu thu tiền

Ngày tháng thanh toán: 2008/09/01

Xác nhận: DS 系統管理者

T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

STT	Nợ/Có	Loại	Loại CT nguồn	Mã CT nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
0001	D.Nợ	4:đổi ứng	71A	080815001	2143-0000	Accounts Payable			NTD
0002	C.Có	3:Đội khấu trừ	720	080802001	1256	Advance Payments			NTD
0003	C.Có	2:CT phải trả			2141-0000	Notes Payable			NTD

TC

Bên Nợ (nguyên tệ): 105,000

Bên Nợ (nội tệ): 105,000

Số tiền bên Có: 105,000

Số tiền bên Có: 105,000

Mức chênh lệch: 0

Mức chênh lệch: 0

Browse Số mẫu DL nội dung: 3

127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền lập số	Số dư lập số	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Mã hóa đơn	Đáo hạn	Mã CT tham khảo	Mã ngân hàng
0001	105,000	105,000	105,000	105,000	PY90144561	2008/11/10		
0002	31,500	31,500	31,500	31,500				
0003	0	0	73,500	73,500		2008/11/10	BS7799009	1102-1007

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhấp “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.CT thanh toán” được thiết lập trước trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.
2. Nhập “Mã NCC”.
3. Nhập dữ hàng thứ nhất vào phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Nợ”, trong cột “Loại” chọn “4.đối ứng”.
4. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ và chọn “Mã số phiếu kết sổ trả trước” được thiết lập trong thao tác trước, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ liệu khác, không cần nhập bằng tay.
5. Nhập dữ liệu hàng thứ hai trong phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “C.Có”, trong cột “Loại” chọn “3.Đội khấu trừ”.
6. Bấm F2 mở cửa chọn “CT trả dư đội khấu trừ” (“tính chất chứng từ=72. Phiếu trả trước khấu trừ” của loại đơn này”do hệ thống tự động phát sinh khi chi trả tiền đặt, sau khi chọn mã số đơn hệ thống sẽ tự động đưa ra dữ liệu khác, như:kim ngạch lập khoản, số tiền nguyên tệ v.v., chứng từ này sẽ khấu trừ vào khoản tiền phải trả cho NCC.
7. Nhập dữ liệu hàng thứ ba vào phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “C.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.CT phải trả”.
8. Nhập số tiền phải trả cho NCC vào cột “số tiền nguyên tệ”. Tổng số tiền của đơn mua

hàng (gồm thuế) là \$105000, số tiền còn lại phải trả đã khấu trừ (gồm thuế) là \$73500.

Sau đây là các chi tiết chứng từ ảnh hưởng đến khoản tiền phải trả cho NCC:

Hạng mục	Mã số	Số tiền	số tiền còn lại phải trả
tiền đặt cọc trả trước(không hóa đơn)	720-080802001 (CT trả dư nợ khấu trừ)	31,500	-31,500
nhập hàng kết sổ	71A-080815001 (chứng từ phải trả)	105,000	73,500
tiền cuối (số tiền còn lại đã khấu trừ)	730-080901001 (đơn trả tiền)	73,500	0

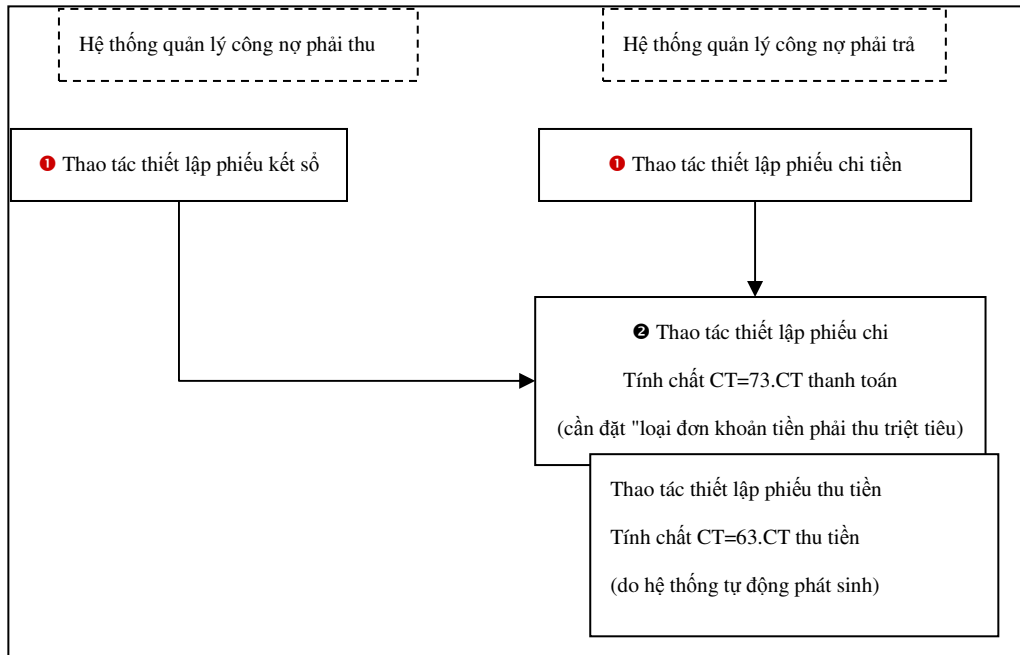
9. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, vào “Phiếu kết sổ trả trước” kiểm tra xem mục “số tiền nguyên tệ” và “số tiền nội tệ” đã được cập nhật hay chưa
10. Cuối cùng đưa cho nhân viên thu chi mở phiếu.

Bài tập 15:

Thanh toán số tiền còn lại cho NCC đúng theo ngày dự tính thanh toán, hãy nhập một đơn trả tiền để ghi nhận lại, và để tiền đặt trả trước làm căn cứ chiết khấu.

g. Quy trình khấu trừ các khoản phải thu, phải trả (khách hàng và NCC là một công ty)

1. Giải thích quy trình



2. Giải thích trọng điểm và ví dụ :

♦ Vị trí thao tác:

HT quản lý mua hàng \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập đơn mua hàng
HT quản lý mua hàng \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu nhập hàng

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi tiền

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu chi

- ♦ Giải thích ví dụ: “1016 Time Co., Ltd.” vừa là NCC, vừa là khách hàng của công ty, khi kết sổ cuối tháng, NCC này yêu cầu đồng thời “chứng từ phải trả” và “phiếu kết sổ”, do đó nhân viên bộ phận tài chính đã quyết định khấu trừ các khoản phải thu, phải trả đối với NCC này

Chứng từ phải trả này như sau:

Thao tác thiết lập phiếu chi tiền(ACPI02)(Success)

DL (D) Tác dụng(F); Thoát (X)

Loại CT: 71A PUR A/P NCC: 1016 Ngày CT: 2008/08/13

Mã CT: 080813002 PS bút toán: Mã đóng băng: Xác nhận: DS

Ngày CT: 2008/08/13 T. Thái duyệt: N. Không thực thi EasyFlow

T. thái chuyển EBO: Không cần chuyển

DL CT	DL hóa đơn	DL khác	Xem DL
Xuống 001	Taipei	ĐK T. Toán	1M1
Tiền tệ	NTD	Ngày dự tính thanh toán	2008/09/01
Tỷ giá	1	Ngày dự tính đối tiền mặt	2008/11/10
Ghi chú		Tỷ lệ CK	0.00%

STT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT tiền đối cực	Ngày CT	TK	Tên TK	Bộ phận CP
0001	1. Nhập hàng	34E	080813001			2008/08/13			

Số tiền nguyên tệ phải trả	15,000	Số tiền nội tệ phải trả	15,000
Thuế(nguyên tệ)	750	Thuế(nội tệ)	750
Tổng số nguyên tệ phải trả	15,750	Tổng số nội tệ phải trả	15,750
Số tiền nguyên tệ đã trả	0	Đã trả (nội tệ)	0

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền phải trả	Tiền chưa thuế (Ngt)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế(nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Mã dự án	Ghi chú
0001	15,000	15,000	750	15,000	750	0		

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Mã số chứng từ phải trả là “71A-080813002”.
2. Nhà cung cấp là “1016 Time Co., Ltd.”.
3. Tổng số tiền phải trả là \$15750 (gồm thuế).

Phiếu kết sổ này như sau:

Thao tác thiết lập phiếu kết sổ(ACR102)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Phiếu kết sổ 610 Closing Docume Mã KH 1010 Ngày kết sổ 2008/08/20
Mã 080820001 Sunlin Xác nhận DS CONFIRM
Ngày CT 2008/08/20 PS bút toán 系統管理者
Mã quy trình T.Thái duyệt N:Không thực thi EasyFlow Trạng thái chuyển N:Chưa chuyển

DL kết sổ DL hóa đơn DL khác Xem DL

NV thu tiền 303 Milton Mã OK
Khuong 001 Taipei Ngày thu tiền dự tính 2008/08/20 Lấy ngày CK thu tiền 2008/08/20
Tiền tệ NTD \$ Ngày dự tính đối tiền mặt 2008/08/20 Lấy ngày CK đối tiền mặt 2008/08/20
Tỷ giá 1 \$ In hoá đơn 0 In 0 Mã kết sổ N Tỷ lệ CK 0.00%
Ghi chú INVOICE_NO Số lần gửi 0
LCNO

STT	Nguồn	Loại CT	Mã CT	STT CT	STT tiền đối cực	Ngày CT	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận
0001	1.Bán hàng	231	080820001			2008/08/20			30	Sales department

Số tiền nguyên tệ phải thu 15,000 Số tiền nội tệ phải thu 15,000
Thuế(nguyên tệ) 750 Thuế(nội tệ) 750
Tổng số nguyên tệ phải thu 15,750 Tổng(nội tệ) 15,750
Số tiền nguyên tệ đã thu 0 Đã thu(nội tệ) 0

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

STT	Phai thu (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế (Nội tệ)	Thuế (nguyên tệ)	Tiền chưa thuế(nội tệ)	Thuế (nội tệ)	Mức chênh lệch nguyên tệ	Ghi chú
0001	15,000	15,000	750	15,000	750	0	

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Mã số đơn kết sổ là “610-080820001”.
2. Khách hàng là “1010 Time Co., Ltd.”.
3. Tổng số tiền phải thu là \$15750 (gồm thuế).

Bộ phận tài chính tiến hành khấu trừ các khoản phải thu, phải trả như hình dưới đây:

Thao tác thiết lập phiếu chi(ACPI03)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại phiếu chi 733 1
Mã phiếu chi 20080830001
Ngày CT 2008/08/30
Mã NCC 1016 2
Xương
Ghi chú

Tiền tệ NTD
In 0 Số lần gửi 0
T.Thái duyệt N:Không thực thi EasyFlow
Mã phiếu thu tiền 633 - 20080830001 7
Mã KH 1010 Sunlin
Cân đối TK phiếu thu tiền
Ngày tháng thanh toán 2008/08/30
Xác nhận DS 系統管理者
T.thái chuyển EBO Không cần chuyển

CONFIRM 7

STT	Nợ/Có	Loại	Loại CT nguồn	Mã CT nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
0001	D.Nợ	4:Đổi ứng	71A	080813002	2143-0000	Accounts Payable			NTD
0002	C.Có	9:TK phải thu	610	080820001	1144-0000	Accounts Receivable-giung			NTD

5 6

TC Bên Nợ (nguyên tệ) 15,750 Bên Nợ (nội tệ) 15,750
Số tiền bên Có 15,750 Số tiền bên Có 15,750
Mức chênh lệch 0 Mức chênh lệch 0

Browse Số môn DL nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

STT	Số tiền lập số	Số dư lập số	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Mã hóa đơn	Đáo hạn	Mã CT tham khảo	Mã ngân hàng
0001	15,750	15,750	15,750	15,750		2008/11/10		
0002	15,750	15,750	15,750	15,750		2008/11/10		

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Nhập “thêm mới” để tạo chứng từ mới, chọn “tính chất chứng từ” là “73.Chứng từ thanh toán” được thiết lập trước trong “Thao tác thiết lập tính chất chứng từ”.(khác phiếu chi thông thường khác).
2. Nhập “Mã NCC”.
3. Nhập dữ liệu hàng thứ nhất vào phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “D.Nợ”, trong cột “Loại” chọn “4.đổi ứng”.
4. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ và chọn “Mã phiếu chi tiền” được thiết lập trong thao tác trước, sau đó hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ liệu khác, không cần nhập bằng tay.
5. Nhập dữ liệu hàng thứ hai vào phần thân đơn, trong cột “Nợ/Có” chọn “C.Có”, trong cột “Loại” chọn “2.TK phải thu”.
6. Trong cột “Loại chứng từ nguồn” bấm F2 mở cửa sổ “mã số đơn kết sổ” đã tạo ở bước trước, sau khi chọn hệ thống sẽ tự động đưa ra các dữ liệu khác, không cần nhập bằng tay.
7. Nhập xong lưu lại rồi CONFIRM. Sau khi CONFIRM, vào “chứng từ phải trả” để

kiểm tra xem mục “số tiền nguyên tệ phải trả” và “số tiền nội tệ phải trả” ở cuối đơn được cập nhật hay chưa. Ngoài ra ta cũng có thể vào “phiếu kết sổ” để kiểm tra xem “số tiền nguyên tệ đã trả” đã được hệ thống cập nhật hay chưa, đồng thời hệ thống cũng sẽ tự động phát sinh một phieu thu tiền như hình dưới đây:

“Phiếu thu tiền” do hệ thống tự động phát sinh:

Thao tác thiết lập phiếu thu tiền(&CRI03)[Success]
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Loại phiếu thu tiền 633 1
Collect Order

Mã phiếu thu tiền 20080830001

Ngày CT 2008/08/30 CONFIRM

Mã KH 1010

Sunlin

NV thu tiền

Xuong

Tiền tệ NTD

Ghi chú Cần trừ phải thu/phải trả

☐ PS bút toán In 0

T.Thái duyệt N:Không thực thi EasyFlow Số lần gửi 0

Mã NCC 1016 Time

Mã phiếu chi 733 20080830001

☒ Cân đối TK phiếu chi 2

Ngày thu tiền 2008/08/30

Xác nhận DS 系統管理者

STT	Nợ/Có	Loại	Loại CT nguồn	Mã CT nguồn	TK	Tên TK	Bộ phận	Tên bộ phận	Tiền tệ
0001	D.Nợ	9:TK phải trả	71A	080813002	2143-0000	Accounts Payable			NTD
0002	C.Có	4:Đổi ứng	610	080820001	1144-0000	Accounts Receivable-gingging			NTD

3

TC	Bên Nợ (nguyên tệ)	Số tiền bên Có	Mức chênh lệch
	15,750	15,750	0

Browse Số môn DL nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

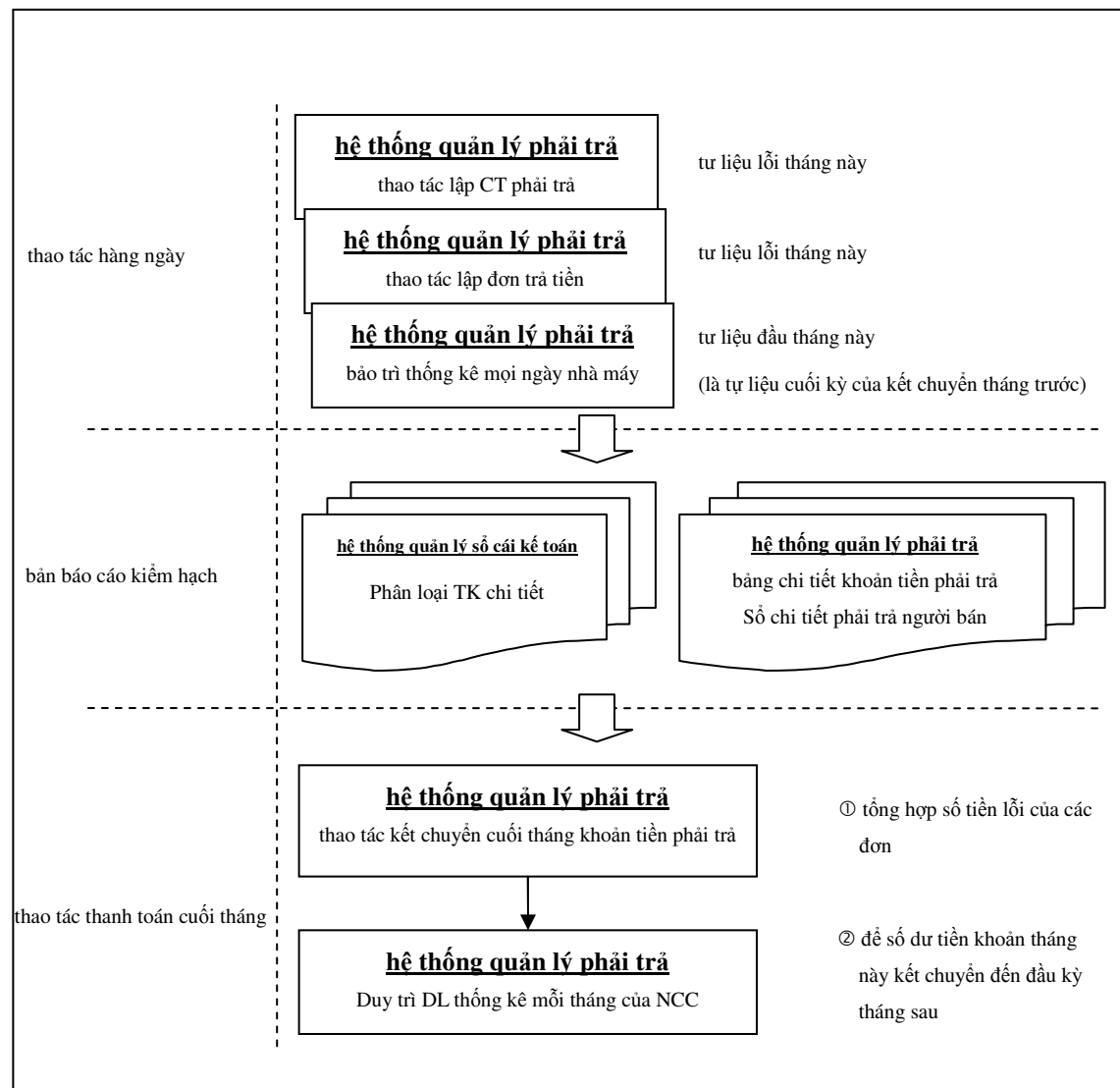
STT	Số tiền lập sổ	Số dư lập sổ	Số tiền nguyên tệ	Số tiền (nội tệ)	Mã hóa đơn	Đáo hạn	Mã CT tham khảo	Mã dự án
0001	15,750	15,750	15,750	15,750		2008/11/10		
0002	15,750	15,750	15,750	15,750		2008/11/10		

♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. “Phiếu thu tiền” do hệ thống tự động phát sinh là do “phiếu chi” được thiết lập là Phiếu bù trừ khoản phải thu trong “thao tác đặt tính chất chứng từ” (“tính chất chứng từ” của loại đơn này là “63.chứng từ thu tiền”).
2. sau khi “phiếu chi” được CONFIRM, hệ thống sẽ tự động phát sinh “Phiếu thu tiền”, ta thấy mục “cân đối tài khoản phiếu chi” ở đầu đơn được hệ thống tự động chọn.
3. Dữ liệu phân thân đơn của “phiếu thu tiền” do hệ thống căn cứ vào dữ liệu “phiếu chi” và “phiếu kết sổ” để tự động phát sinh ra.

h. Quy trình thanh toán cuối tháng

1. Giải thích Quy trình



Ghi chú: xin tham khảo bài “hệ thống quản lý phải trả \ thao tác thanh toán cuối tháng của hệ thống phải trả”.

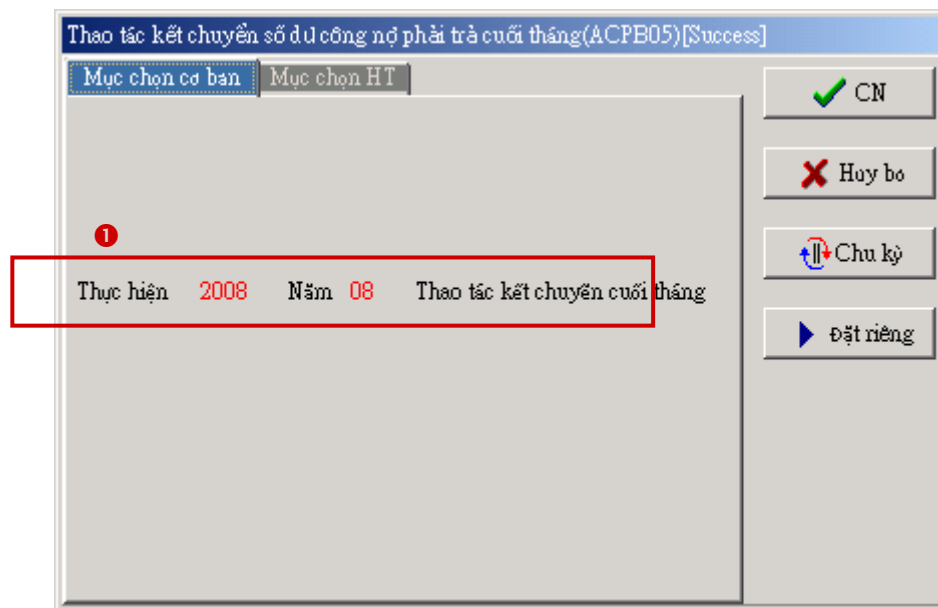
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ :

- ♦ Vị trí thao tác:

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Thao tác điều chỉnh hàng loạt giá hàng hóa \ Thao tác kết chuyển số dư công nợ phải trả cuối tháng

Hệ thống quản lý công nợ phải trả \ Xử lý biến động hàng ngày \ Duy trì sự thống kê mỗi tháng NM

- ♦ Giải thích ví dụ: nhân viên tài vụ chấp nhận trình tự kết sổ cuối tháng, thống kê số dư tiền khoản phải trả mọi tháng của nhà máy.



- ♦ Giải thích các điểm quan trọng:

1. Bắt đầu thao tác này, không cần thiết lập điều kiện ban đầu, hệ thống mặc định chọn “năm tháng hiện hành phải trả” là năm tháng kết sổ của “hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác lập \ thao tác đặt thông số tài vụ”, bấm phím “xác nhận” do trung tâm ủy nhiệm công tác xử lý, kết quản chấp nhận có thể theo dõi trong “hệ thống quản lý phải trả \ xử lý lỗi hàng ngày \ bảo trì thống kê mọi tháng của NCC”, như sau:

Thao tác chỉnh sửa thống kê hàng tháng của nhà cung cấp(ACPI05)[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

NCC 1013 Life forever

Tháng thống kê 2008/08

Ghi chú

Tổng tiền đầu kỳ (nội tệ) 0

Tổng bên Nợ (nội tệ) 31,500

Tổng bên Có (nội tệ) 105,000

	Loại	Loại CT	Tiền tệ	Tiền đầu kỳ (nguyên tệ)	Tiền bên Nợ trong kỳ(nguyên tệ)	Tiền bên Có trong kỳ(nguyên tệ)	Số tiền đầu kỳ nội
►	1 Phai trả	71A	NTD	0	0	105,000	
	3.Trả dư	720	NTD	0	31,500	0	

Browse Số môn DL nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

Tiền bên Có trong kỳ(nguyên tệ)	Số tiền đầu kỳ nội tệ	Số tiền nội tệ bên Nợ trong kỳ	Số tiền bên Có trong kỳ (nội tệ)
105,000	0	0	105,000
0	0	31,500	0